

Số: 68 /BC-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến các Đại biểu Quốc hội về dự án Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư tại kỳ họp thứ 8

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Dự án Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) được Chính phủ báo cáo và Quốc hội thảo luận, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV. Căn cứ ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội, ngày 08/01/2020, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội có văn bản số 1775/UBKT14 đề nghị Chính phủ có ý kiến giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ báo cáo số 3427/BC-TTKQH ngày 19/12/2019 của Tổng thư ký Quốc hội tổng hợp ý kiến các vị Đại biểu Quốc hội và kết quả nghiên cứu tiếp thu, giải trình, Chính phủ đã xây dựng Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến các Đại biểu Quốc hội (trình kèm theo báo cáo này), trong đó 10 nhóm ý kiến chủ yếu được báo cáo cụ thể như sau:

1. Về mối quan hệ giữa Luật PPP và các Luật liên quan

Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật quy định: *Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác về trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện dự án; hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP; luật áp dụng; bảo đảm đầu tư; cơ chế quản lý vốn nhà nước áp dụng trực tiếp cho dự án PPP thì thực hiện theo quy định của Luật này.* Nhiều Đại biểu Quốc hội thống nhất việc cần phải có quy định nội dung khác biệt như nêu trên. Bên cạnh đó một số Đại biểu Quốc hội cũng yêu cầu rà soát lại, cần tuân thủ quy định của Điều 156 Luật Ban hành văn bản pháp luật.

Tại Tờ trình số 446/TTr-CP ngày 07/10/2019 (Phụ lục 3), Chính phủ đã báo cáo Quốc hội kết quả rà soát sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Luật PPP và một số Luật có liên quan; qua đó chỉ rõ các nội dung thống nhất với các Luật (dẫn chiếu cụ thể) và các nội dung đặc thù cần sự khác biệt (được quy định rõ tại Luật).

Trong quá trình hoàn thiện, Chính phủ sẽ phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội tiếp tục rà soát sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật PPP với các Luật hiện hành cũng như các Luật (Đầu tư, Doanh nghiệp, Xây dựng, Đất đai) đang sửa đổi. Tuy nhiên, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho phép bảo lưu nội dung tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật, do quy định này được xem xét như là một sự cam kết, khẳng định của Nhà nước với các nhà đầu tư về các nội dung đặc thù áp dụng trực tiếp cho dự án PPP sẽ được triển khai theo Luật PPP. Điều này sẽ tạo niềm tin vững chắc cho các nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư dài hạn.

2. Về lĩnh vực và quy mô đầu tư dự án PPP

Về lĩnh vực đầu tư, dự thảo Luật quy định gồm: giao thông vận tải; nhà máy điện, hệ thống truyền tải điện; hệ thống cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; hạ tầng khu đô thị; công viên; trụ sở cơ quan nhà nước; nhà ở công vụ; y tế; giáo dục, đào tạo, dạy nghề; hạ tầng công nghệ thông tin. Lĩnh vực quy định tại Dự thảo Luật được kế thừa có chọn lọc từ pháp luật hiện hành (cấp Nghị định) và thực tiễn triển khai thời gian qua. Tuy vậy, đối với nội dung này, ý kiến các Đại biểu Quốc hội tập trung 3 nhóm quan điểm: (i) Đa số ý kiến Đại biểu Quốc hội thống nhất như đề xuất của Chính phủ – hạn chế lĩnh vực và giao Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung trường hợp xuất hiện dự án ngoài lĩnh vực quy định; (ii) Cần hạn chế lĩnh vực và không giao Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung; (iii) Không hạn chế.

Về quy mô đầu tư, dự thảo Luật quy định: Chính phủ quy định chi tiết quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP đối với từng lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng không thấp hơn 200 tỷ đồng, trừ dự án áp dụng loại hợp đồng Kinh doanh – Quản lý (O&M). Đối với nội dung này, ý kiến các Đại biểu Quốc hội cũng tập trung 3 nhóm quan điểm: (i) Thống nhất quy định hạn mức 200 tỷ ngay tại Luật; (ii) Đa số ý kiến Đại biểu Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết hạn mức cho từng lĩnh vực; (iii) Hạ hạn mức hoặc không quy định hạn mức.

Đối với 02 nội dung có liên quan chặt chẽ nêu trên, Chính phủ dự kiến tiếp thu ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội theo hướng: (i) Khu biệt lại các lĩnh vực đầu tư trên tinh thần chỉ tập trung các lĩnh vực trọng điểm, khả thi và đã triển khai trong thực tế vừa qua; (ii) Giữ hạn mức 200 tỷ trong Luật và giao Chính phủ quy định hạn mức tối thiểu cho từng lĩnh vực để bảo đảm tính linh hoạt trong điều hành của Chính phủ theo từng thời kỳ kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, để bảo đảm tính ổn định lâu dài của Luật và xử lý phát sinh trong điều hành thực tế, dự thảo Luật dự kiến bổ sung 01 khoản để xử lý tình huống phát sinh dự án ngoài lĩnh vực quy định tại Luật nhưng cần phải thực hiện đầu tư theo PPP. Cụ thể như sau:

“Trường hợp phát sinh dự án không thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này thì Cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện đầu tư theo phương thức PPP nếu đáp ứng điều kiện sau đây:

- a) Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại pháp luật về đầu tư công;*
- b) Có khả năng cân đối vốn nhà nước trong dự án PPP;*
- c) Có tính khả thi cao hơn khi thực hiện dự án theo phương thức PPP so với đầu tư công.”*

3. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP

Hiện tại, dự thảo Luật quy định về cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư bao gồm Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với nội dung này, đa số Đại biểu Quốc hội có ý kiến đồng thuận, một số ý kiến cho rằng cần có vai trò của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

Trong quá trình trao đổi với các Ủy ban của Quốc hội sau kỳ họp, để bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa dự thảo Luật PPP và Luật Đầu tư công về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, Chính phủ đề nghị cân nhắc tiếp thu theo hướng giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP tại địa phương.

4. Về việc sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP

Theo quy định tại dự thảo Luật, việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công sẽ được thực hiện theo một trong các cách thức sau: (1) Tách thành một dự án thành phần sử dụng vốn đầu tư công trong dự án PPP và (2) Giải ngân cho doanh nghiệp dự án PPP theo hạng mục cụ thể, tỷ lệ, giá trị, tiến độ và điều kiện quy định tại hợp đồng.

Đa số Đại biểu Quốc hội thống nhất việc tách phần vốn nhà nước trong dự án PPP thành dự án thành phần hoặc hạng mục như đề xuất của Chính phủ. Một số Đại biểu Quốc hội cho rằng nên bổ sung quy định về mức trần của phần vốn nhà nước trong dự án PPP; đồng thời đề nghị Chính phủ xem xét lại quy định về lập kế hoạch vốn đầu tư công cho dự án PPP theo hướng có một dòng ngân sách riêng cho mục tiêu này.

Về nội dung này, Chính phủ kiến nghị giữ nguyên như dự thảo Luật bởi một số lý do sau:

(i) Đối với nội dung mức trần tỷ lệ vốn nhà nước, khung pháp lý trong giai đoạn trước quy định như sau: Nghị định 108/2009/NĐ-CP (49% tổng mức đầu tư), Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg (30% tổng mức đầu tư). Tuy nhiên qua kết quả rà soát, tổng kết tình hình thực hiện Nghị định 108/2009/NĐ-CP, có ý kiến cho rằng các dự án BOT, BTO, BT trong lĩnh vực giao thông vận tải hầu hết có kinh phí đầu tư lớn, do đó việc khống chế mức vốn nhà nước tham gia dự án không vượt quá 49% tổng mức đầu tư sẽ khó kêu gọi đầu tư. Vì vậy, các văn bản pháp lý tiếp theo là Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP đã gỡ bỏ mức trần này, mức vốn nhà nước được xác định theo tính chất của từng dự án, căn cứ phương án tài chính cụ thể của dự án được nghiên cứu và khả năng bố trí vốn đầu tư công theo từng thời kỳ. Thực tế thời gian vừa qua, trong các dự án PPP giao thông trọng điểm, phần vốn nhà nước tham gia vào dự án chủ yếu cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

(ii) Đối với việc lập kế hoạch vốn đầu tư công, việc có một dòng ngân sách riêng chưa thực sự phù hợp và khả thi theo quy định của Luật Đầu tư công hiện hành. Do đó, việc lập kế hoạch cho phần vốn này trong dự án PPP tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công (không xây dựng một dòng ngân sách riêng).

5. Về lựa chọn nhà đầu tư

Dự thảo Luật thiết kế một chương về nội dung này (Chương III) và đề xuất bãi bỏ nội dung tương ứng tại Luật Đấu thầu năm 2013 nhằm bảo đảm tính thống nhất, chỉnh thể của văn bản quy phạm pháp luật về PPP, bảo đảm tính liên tục của quy trình thực hiện một dự án PPP. Đa số Đại biểu Quốc hội thống nhất

việc quy định Chương “Lựa chọn nhà đầu tư” ngay tại dự thảo Luật, đồng thời yêu cầu Chính phủ nghiên cứu bổ sung nội dung quy định chi tiết hơn tại Chương này.

Tiếp thu ý kiến các Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đang tiếp tục phối hợp các cơ quan liên quan nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP ngay tại Luật bảo đảm tính đầy đủ, rõ ràng, đồng bộ và pháp lý cao trong thực thi dự án PPP. Dự thảo Luật hiện đã chỉnh lý Chương III thành 3 mục (gồm 15 Điều), bao gồm: Quy định chung về lựa chọn nhà đầu tư; Hình thức lựa chọn nhà đầu tư và Phương pháp đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu. Trên cơ sở đó bổ sung và làm rõ các quy định đặc thù trong lựa chọn nhà đầu tư.

6. Về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP

Dự thảo Luật quy định doanh nghiệp dự án được thành lập chỉ nhằm mục đích duy nhất là thực hiện dự án theo hợp đồng với mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần và được phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn thực hiện dự án PPP.

Hầu hết ý kiến Đại biểu Quốc hội nhất trí với quy định tại dự thảo Luật. Bên cạnh đó, một số ý kiến cho rằng, dự thảo Luật cần bảo đảm tuân thủ Luật Doanh nghiệp; việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án PPP không quy định tại Luật này mà quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cũng có ý kiến Đại biểu Quốc hội yêu cầu điều chỉnh lại thời điểm doanh nghiệp dự án PPP được phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 3 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó. Theo đó, các quy định đặc thù đối với doanh nghiệp dự án PPP tại dự thảo Luật là đồng bộ, không xung đột với Luật Doanh nghiệp. Liên quan đến thời điểm doanh nghiệp dự án PPP được phát hành trái phiếu, Chính phủ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Chứng khoán) sẽ tiếp tục nghiên cứu, làm việc với các Ủy ban của Quốc hội để đề xuất phù hợp trong quá trình hoàn thiện dự án Luật PPP và dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi).

7. Về cơ chế chia sẻ về doanh thu

Hiện tại, dự thảo Luật quy định cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu theo hướng điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc thời hạn hợp đồng PPP trong trường hợp doanh thu thực tế không như doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng trong một số trường hợp và đáp ứng điều kiện theo quy định. Đối với một số dự án trọng điểm, trường hợp sau khi đã thực hiện cơ chế trên nhưng chưa bảo đảm được mức doanh thu cần thiết thì Chính phủ và nhà đầu tư cam kết chia sẻ phần giảm thu và phần tăng thu giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết tại hợp đồng.

Đa số Đại biểu Quốc hội đồng thuận với sự cần thiết phải có cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu với nhà đầu tư được đề xuất tại dự thảo Luật nêu trên. Nhiều ý kiến yêu cầu Chính phủ phải cân nhắc, quy định rất rõ về nguyên tắc chia sẻ, cấp có thẩm quyền quyết định, điều kiện, đối tượng áp dụng, nguồn tiền để xử lý khi rủi ro giảm doanh thu xảy ra, cách thức kiểm soát và quản lý rủi ro tài chính quốc gia; trong đó đặc biệt lưu ý việc tạo sự bình đẳng với cơ chế chia sẻ 50% giữa nhà nước và tư nhân.

Đây là nội dung mới, khó và là một trong các nội dung then chốt cần được tập trung nghiên cứu, đề xuất phương án có tính khả thi tại dự án Luật PPP. Trong giai đoạn này, Chính phủ đề nghị phương án tiếp thu ý kiến các Đại biểu Quốc hội theo hướng sau:

(i) Phân biệt cơ chế chia sẻ rủi ro khi giảm doanh thu và chia sẻ khi tăng doanh thu. Tất cả các dự án PPP đều áp dụng cơ chế chia sẻ khi tăng doanh thu.

(ii) Đối với cơ chế chia sẻ rủi ro khi giảm doanh thu: Bổ sung một số điều kiện thực hiện và trường hợp được áp dụng cơ chế này, cụ thể là khi doanh thu thực tế bị ảnh hưởng bởi lỗi của phía Nhà nước (ví dụ: điều chỉnh quy hoạch, thay đổi chính sách pháp luật).

(iii) Về nguồn xử lý khi rủi ro phát sinh, hiện tại dự thảo đang thiết kế theo hướng sử dụng nguồn dự phòng vốn đầu tư công trung hạn.

(iv) Nghiên cứu, cân nhắc bổ sung quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định việc chia sẻ rủi ro cho các dự án PPP đủ điều kiện, thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của mình, trong phạm vi quản lý, ngân sách của địa phương.

8. Về phạm vi của Kiểm toán Nhà nước

Hiện tại, dự thảo Luật quy định Kiểm toán Nhà nước thực hiện việc kiểm toán về sử dụng tài chính công, tài sản công trong dự án PPP.

Ý kiến các Đại biểu Quốc hội tập trung 2 nhóm quan điểm: (i) Thống nhất quan điểm của Chính phủ tại dự thảo Luật về việc Kiểm toán Nhà nước chỉ kiểm toán tài sản công, tài chính công theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước; (ii) Một số Đại biểu Quốc hội cho rằng dự án PPP bản chất là dự án đầu tư công nên Kiểm toán Nhà nước phải kiểm toán toàn bộ dự án PPP, kể cả phần đầu tư từ nguồn vốn tư nhân.

Đối với nội dung này, Chính phủ đề nghị phương án tiếp thu theo hướng như sau:

(i) Trước khi ký kết hợp đồng, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán tuân thủ theo pháp luật về kiểm toán nhà nước về quá trình chuẩn bị dự án, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án PPP có sử dụng tài chính công, tài sản công.

(ii) Sau khi ký kết hợp đồng, kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán theo pháp luật về kiểm toán nhà nước đối với việc sử dụng tài chính công, tài sản công trong dự án PPP, bao gồm:

- Kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ đối với việc sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi tách thành một dự án thành phần hoặc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT.

- Kiểm toán hoạt động để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trên cơ sở các chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ đối với dự án PPP sử dụng vốn nhà nước để hỗ trợ xây dựng công trình khi được thanh toán theo hạng mục, gói thầu cụ thể hoặc thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công.

9. Về dự án áp dụng loại hợp đồng BT

Hầu hết các Đại biểu Quốc hội không có ý kiến phản đối về việc tiếp tục thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT, mà yêu cầu cần quy định chi tiết hơn nữa nội dung về loại dự án này tại Luật bảo đảm tính chặt chẽ, khả thi, khắc phục tồn tại. Đồng thời, với bản chất của hợp đồng PPP là “dài hạn”, cần xem xét sự phù hợp của loại hợp đồng BT.

Theo đó, để phù hợp với bản chất PPP, Chính phủ dự kiến tiếp thu theo hướng gắn trách nhiệm bảo trì dài hạn; hỗ trợ đơn vị tổ chức, vận hành công trình đối với nhà đầu tư thực hiện hợp đồng BT. Đồng thời, dự kiến bổ sung tối đa các quy định chặt chẽ tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và Nghị định số 69/2019/NĐ-CP vào dự thảo Luật. Bên cạnh đó, quy định rõ phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư trong dự án BT đối với từng phương thức thanh toán.

10. Về quy định chuyển tiếp

Đây là nội dung hết sức quan trọng để bảo đảm tính bền vững, lòng tin của nhà đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện, tránh xung đột pháp luật. Do vậy, Chính phủ sẽ tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội đề ra soát, tổng hợp và đề xuất các nội dung chuyển tiếp phù hợp, khả thi.

Trên đây là các nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến các Đại biểu Quốc hội về dự án Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét và cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ và các PTTg;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ; BTCN, các PCN;
- các Vụ: KTTH, QHQT, CN, NN, KGVX, QHDP;
- Lưu: VT, PL (). 40

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



Nguyễn Chí Dũng

BẢNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TẠI KỶ HỌP THỨ 8
VỀ DỰ ÁN LẬP ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ
(Kèm theo báo cáo số : 68 /BC-CP ngày 02. tháng 3 năm 2020 của Chính phủ)

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Những vấn đề chung		
1.	Về hồ sơ và bộ cục của dự thảo Luật	- Nhiều ý kiến nhất trí về hồ sơ và bộ cục của dự thảo Luật. - Một số ý kiến đề nghị cân nhắc sắp xếp lại như sau: đề nghị ghép Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) và Điều 2 (Đối tượng áp dụng); chương IV chia thành 2 mục: mục 1 là doanh nghiệp dự án (trong đó bổ sung một số điều có liên quan quy định đặc thù loại hình doanh nghiệp) và mục 2 là hợp đồng PPP; chuyển Chương VI vào sau Chương IV và trước Chương V; đổi tên Chương IV thành “Doanh nghiệp dự án và hợp đồng PPP”, Chương VII thành “Ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư”; - Đề nghị bổ sung đánh giá tác động về giới trong Báo cáo lồng ghép bình đẳng giới; - Đề nghị xác định Luật quy định về nội dung hay hình thức, làm rõ và tách bạch các quy định mang tính điều chỉnh về nội dung và các quy định mang tính điều chỉnh về hình thức.	- Về cơ bản, bộ cục của dự thảo Luật được thừa kế từ văn bản quy phạm pháp luật đang hiện hành là Nghị định số 63/2018/NĐ-CP, qua đó các Chương của Luật được thiết kế theo quy trình thực hiện một dự án PPP theo các bước cụ thể. - Tại Hồ sơ dự án Luật Chính phủ đã có Báo cáo lồng ghép bình đẳng giới, qua đó đánh giá các nội dung cơ bản Luật có tác động tới yếu tố bình đẳng giới. Cơ quan soạn thảo cho rằng Luật này có tác động tới đa phần các đối tượng trong xã hội, tuy nhiên không có sự phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng cũng như giữa nam và nữ. - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP trước đây và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP hiện hành đều quy định cả “thủ tục” và “nội dung”, trong đó quy định chi tiết phương thức thực hiện, trình tự, thủ tục và cơ chế, chính sách. Do vậy, khi nghiên cứu xây dựng dự án Luật PPP, Chính phủ thông nhất quan điểm về việc nâng cấp các quy định đã thực hiện ổn định tại cấp Nghị định trước đây, bổ sung các chính sách mới

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Một số ý kiến cho rằng, còn nhiều nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết, đề nghị rà soát, chỉnh sửa đề quy định ngay tại luật; trường hợp giao Chính phủ quy định thì cần bổ sung dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành; đề nghị rà soát, giao Chính phủ quy định chi tiết các tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với những nội dung có thay đổi theo thời gian, đề phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính linh hoạt khi thực hiện và hạn chế sửa đổi, bổ sung Luật.	nhằm xử lý các tồn tại, bất cập mà ở cấp Nghị định không xử lý được. Bên cạnh đó, kinh nghiệm các nước ban hành luật hay hướng dẫn về PPP (như Hàn Quốc, Phi-líp-pin, Sin-ga-po... và luật mẫu về PPP của Ủy ban Liên hiệp quốc về Luật thương mại quốc tế - UNCITRAL) đều ban hành quy định bao hàm cả thủ tục và nội dung để bảo đảm tính đầy đủ, rõ ràng và minh bạch các cơ chế thu hút đầu tư tư nhân vào cơ sở hạ tầng, dịch vụ công. Theo đó, Chính phủ báo cáo Quốc hội nội hàm của dự án Luật PPP vừa là luật thủ tục, vừa là luật nội dung. Dự án PPP có tính chất đặc thù, do vậy để đảm bảo tính ổn định lâu dài của Luật và tạo cơ chế linh hoạt trong điều hành, cơ quan soạn thảo đã rà soát, tổng kê các nội dung đặc thù để giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết, trong đó phần nhiều là các quy định mang tính kỹ thuật, không thể quy định chi tiết tại Luật. Về các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết, sau khi rà soát, về số lượng các điều giao Chính phủ hướng dẫn tại một số Luật như Chứng khoán sửa đổi 2019 (23 điều); Dầu tư công 2019 (20 điều), Quản lý và sử dụng tài sản công 2017 (26 điều), Quản lý nợ công 2017 (9 điều), Xây dựng 2014 (24 điều), Dầu tư 2014 (16 điều), Đất đai 2013 (70 điều), số lượng các nội dung giao Chính phủ hướng dẫn tại Dự thảo Luật (13 điều) như hiện nay không quá nhiều.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Một số ý kiến đề nghị quy định rõ trong Luật các đặc thù cho từng hình thức dự án PPP. Luật hóa các quy định đã được kiểm nghiệm trong thực tế trong Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng xây dựng-kinh doanh-chuyển giao (BOT). bảo đảm các quy định của Luật tuân thủ nguyên tắc thị trường, lợi ích của người dân, Nhà nước và nhà đầu tư. - Một số ý kiến đề nghị dự thảo Luật cần điều chỉnh để vừa tạo điều kiện hấp dẫn nhà đầu tư theo hướng rõ ràng, thuận lợi và chủ động trong áp dụng, đồng thời, bảo đảm chặt chẽ, tránh các hiện tượng tiêu cực từ các dự án BT, BOT trong thời gian qua; xác định mô hình đầu tư “đối tác công tư”, loại hình doanh nghiệp hoạt động, xác định lĩnh vực thực hiện mô hình này; chính sách bù đắp cho nhà đầu tư để bảo đảm sinh lời trong quá trình đầu tư như về đất đai, thuế, tín dụng ưu đãi, bảo lãnh tín dụng, tham gia vốn của Nhà nước, cơ chế thu phí hoàn vốn và sinh lời; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có liên quan; cơ chế vận hành của dự án như quy trình, thủ tục, ký kết hợp đồng...	- Các quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được thừa kế tối đa tại dự thảo Luật. - Các ý kiến khác về cụ thể nội dung dự thảo Luật sẽ được tiếp thu, giải trình cụ thể tại từng điều khoản.
2.	Về tên gọi của dự án Luật	Đa số ý kiến nhất trí về tên gọi của dự án Luật là Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, nên đổi tên Luật thành Luật về quan hệ đối tác công tư, sẽ phù hợp với phạm vi điều chỉnh và bao quát hết được các quan hệ đối tác công tư, bao gồm cả các quan hệ đầu tư khai	Tên gọi của Luật liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật, được giải trình tại điều luật về phạm vi điều chỉnh dưới đây.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thắc và sử dụng các tài sản công để phục vụ cho nhu cầu của xã hội.	
		Một số ý kiến cho rằng, phạm vi điều chỉnh của dự án Luật là quá rộng; chưa rõ, đề nghị giải thích rõ thuật ngữ "hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư" và "hoạt động quản lý nhà nước" để làm rõ phạm vi điều chỉnh. Lĩnh vực được thực hiện theo phương thức đối tác công tư; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư; quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có liên quan.	Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục trao đổi với Cơ quan thẩm tra để tiếp thu ý kiến Đại biểu đối với nội dung ghép khoản 1 và khoản 2.
		Có ý kiến đề nghị dự án Luật cần điều chỉnh toàn bộ quan hệ đối tác công tư, trong đó bao gồm cả hoạt động xã hội hóa vì bản chất cơ chế thực hiện xã hội hóa có tính chất tương đồng với PPP do cùng mục tiêu thu hút vốn đầu tư của tư nhân; trong khi chính sách này đang được thực hiện rất nhiều mà không được quản lý chặt chẽ, gây thất thoát nguồn lực nhà nước vào tay một số bộ phận.	Hoạt động xã hội hóa và PPP đã được Chính phủ giải trình sự khác biệt tại Tờ trình số 446/TT-CP ngày 07/10/2020, Luật này độc lập với cơ chế xã hội hóa đã được điều chỉnh tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP.
		Có ý kiến cho rằng, không chỉ dự án đầu tư mới, kể cả những công trình, hạng mục mà hiện nay Nhà nước đang quản lý nhưng nhượng quyền khai thác cho tư nhân thuê mà hợp lý hơn, hiệu quả hơn thì cũng phải đưa vào phạm vi điều chỉnh của dự án Luật.	Một trong các loại hợp đồng được quy định tại dự thảo Luật là Kinh doanh – Quản lý (O&M) đã thể chế hóa nội dung Đại biểu góp ý.
3.	Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1), đối tượng áp dụng (Điều 2)	Có ý kiến đề nghị không quy định mục đích trong Luật, đề nghị quy định Điều 1 như sau: "Luật này quy định về hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư tại Việt Nam; hoạt động quản lý nhà nước; trách nhiệm của các bên và của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư" hoặc "Luật này quy định quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư các dự án giữa khu vực công và khu vực tư, nhằm thu hút các nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ công, trách nhiệm	Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục trao đổi với Cơ quan thẩm tra để tiếp thu ý kiến Đại biểu về việc không nêu mục đích tại Điều 1.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		của các bên, quản lý nhà nước, giám sát của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư” hoặc “Luật này quy định về hoạt động đầu tư phát triển công trình hệ thống cơ sở hạ tầng và cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo phương thức đối tác công tư”; đề nghị bổ sung cụm từ “tham gia” vào sau cụm từ “khu vực tư nhân”. Có ý kiến đề nghị không mở rộng đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 bao gồm doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước, bảo đảm nhà đầu tư dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% tại doanh nghiệp nhằm bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và thu hút được nguồn vốn tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực PPP; đề nghị sửa đổi Điều 2 như sau: “Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư” hoặc “Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư”.	Dự thảo Luật đã quy định đối với trường hợp này. Cụ thể: Doanh nghiệp nhà nước 100% vốn nhà nước phải liên danh với khu vực tư nhân để tham dự thầu (điểm h khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật). Tuy nhiên, nội dung này sẽ được cân nhắc song song với quá trình sửa đổi về khái niệm “Doanh nghiệp Nhà nước” tại dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi, cũng đang được trình Quốc hội tại kỳ họp này. Các nội dung về bảo đảm cạnh tranh (độc lập về pháp lý, độc lập về tài chính) vẫn được kế thừa Luật đầu thầu, được quy định tại khoản 2 Điều 33 dự thảo Luật.
4.	Về áp dụng luật và điều ước quốc tế (Điều 3)	Một số ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, đánh giá tác động kỹ lưỡng để quy định tại dự thảo Luật phù hợp Hiến pháp, các luật khác và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, tránh mâu thuẫn, xung đột, gây khó khăn khi thực hiện hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Nhà nước, cũng như bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia. Có ý kiến đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 3 như sau: “Hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư phải tuân thủ quy định của luật khác có liên quan”	Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục phối hợp tích cực với Cơ quan thẩm tra để thực hiện nhiệm vụ này. Tại kỳ họp thứ 8, với Tờ trình số 446/TTr-CP (Phụ lục 3), Chính phủ đã báo cáo Quốc hội kết quả của việc rà soát sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Luật PPP và một số Luật có liên quan; qua đó chỉ rõ các nội dung thống nhất với các Luật (dẫn chiếu cụ thể) và các nội dung đặc thù cần sự khác biệt (được quy định rõ tại Luật). Cơ quan soạn thảo cho rằng hoạt động PPP trước hết cần tuân thủ Luật này.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Một số ý kiến đề nghị xem xét lại quy định tại khoản 2 Điều 3, bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị Chính phủ rà soát tính thống nhất của Luật này với các luật khác có liên quan (như Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý nợ công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư; Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Luật Kiểm toán Nhà nước; Luật Đất đai; Luật Xây dựng; Luật Dầu mỏ; Luật Phòng, chống tham nhũng; Bộ luật Hình sự; Bộ luật Dân sự...); nội dung nào chưa thống nhất giữa Luật này và các luật khác thì cần được cân nhắc quy định ngay trong Luật này hoặc rà soát, bổ sung Phụ lục về những luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc cần có một luật sửa đổi, bổ sung nhiều luật; đề nghị làm rõ những luật ban hành sau mà trái với luật này thì xử lý như thế nào; đề nghị giải trình quy định “có sự khác nhau giữa luật này và luật khác thì áp dụng quy định của luật này”, đề nghị giải trình rõ các nội dung sẽ mâu thuẫn với các luật hiện hành để lường trước và nhất quán quan điểm trong việc thực hiện giữa các luật; đề nghị bỏ khoản 2 Điều 3. Có ý kiến đề nghị tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Luật chỉ nên quy định những vấn đề đặc thù của PPP được ưu tiên áp dụng như trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện dự án; hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP; cơ chế quản lý vốn nhà nước áp dụng trực tiếp cho dự án PPP. Các vấn đề như luật áp dụng đã được quy định tại Điều 50 của dự thảo Luật và nội dung về bảo đảm đầu tư phải tuân thủ chung theo quy định tại Luật Đầu tư.	Trong quá trình hoàn thiện, Chính phủ sẽ phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội tiếp tục rà soát sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật PPP với các Luật hiện hành cũng như đang sửa đổi. Bản chất của phương thức đầu tư PPP khác với phương thức đầu tư tư nhân (quy định tại Luật Đầu tư 2014). PPP hướng tới các dịch vụ thiết yếu cho xã hội mà Nhà nước có trách nhiệm cung cấp, trong khi đầu tư tư nhân là các dịch vụ xã hội tùy chọn. Một bên trong hợp đồng PPP là phía Nhà nước. Do đó, dự thảo Luật được thiết kế theo hướng duy trì toàn bộ quy định về bảo đảm đầu tư theo Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 75 dự thảo Luật) và quy định bổ sung về các bảo đảm đặc thù cho PPP (kế thừa các nội dung đã có thời gian thực hiện ổn định theo các Nghị định về PPP trước kia). Riêng về luật áp dụng,

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			dự thảo Luật quy định khác biệt so với Luật Đầu tư nhằm đảm bảo tính thượng tôn pháp luật Việt Nam đối với dự án PPP triển khai tại Việt Nam, đồng thời phù hợp với nội dung này tại Luật mẫu về PPP của Ủy ban của Liên Hợp quốc về Luật thương mại (UNCITRAL). Khái niệm về PPP được thể hiện xuyên suốt tại chòm định nghĩa về “đầu tư PPP”, “dự án PPP” và “hợp đồng PPP”. Trong đó, Cơ quan soạn thảo sẽ phối hợp chặt chẽ với Cơ quan thẩm tra để làm rõ các nội dung như ý kiến của Đại biểu.
		Một số ý kiến đề nghị giải thích rõ thuật ngữ “đầu tư theo phương thức đối tác công tư” tại khoản 1, theo đó làm rõ được đối tượng chịu trách nhiệm; đề nghị nghiên cứu lại khái niệm tại khoản 1 vì không phù hợp với nhóm hợp đồng BT; đề nghị bổ sung, sửa đổi khoản 1 như sau: “đầu tư theo phương thức đối tác công tư là phương thức đầu tư thực hiện giữa khu vực công và khu vực tư, thông qua việc hợp tác, phối hợp, ký kết thực hiện hợp đồng xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích”. Có ý kiến đề nghị định nghĩa cho rõ dự án cái tạo có được xem là dự án PPP hay không theo quy định tại điểm b khoản 2; bỏ cụm từ “bỏ vốn” ở định nghĩa “dự án PPP”.	Bên cạnh dự án đầu tư mới, dự án đầu tư cái tạo cũng là một phần thiết yếu trong việc phát triển hạ tầng. Do đó, cần thiết phải quy định trong cơ chế PPP. Cụm từ “bỏ vốn” có ý nghĩa gắn với hành động tương ứng được quy định tại Luật Đầu tư khi khu vực tư nhân thực hiện theo phương thức đầu tư tư nhân thuần túy. Việc phân loại hợp đồng PPP là một quy phạm nên cần được quy định tại nội dung của Luật (Điều 40 của dự thảo Luật). Cụm từ “nhượng quyền” thể hiện bản chất của phương thức đầu tư này, theo đó Nhà nước cho phép khu vực tư nhân tham gia, chung tay thực hiện các công việc thuộc nhiệm vụ của Nhà nước.
	Về giải thích từ ngữ (Điều 4)		
5.		Có ý kiến đề nghị bổ sung vào khoản 3 về việc giải thích từ ngữ đối với các loại hợp đồng PPP quy định tại Điều 40 dự thảo Luật; bỏ cụm từ “nhượng quyền” ở định nghĩa “hợp đồng PPP”.	

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Có ý kiến đề nghị bổ sung khái niệm “nhà đầu tư” tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 bao gồm cả cá nhân, không chỉ bao gồm tổ chức.	Do đặc thù của phương thức đầu tư này gắn liền với việc thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ cho xã hội của Nhà nước nên việc xác định đối tượng tham gia làm đối tác với khu vực công cũng rất quan trọng, quyết định đến thành công của việc bỏ vốn đầu tư và vận hành công trình, cung cấp dịch vụ công. Hơn nữa, việc xác định rõ đối tượng là “tổ chức” hay “cá nhân” còn ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý dòng lưu chuyển tiền tệ. Thực tế, thời gian vừa qua đã có nhiều trường hợp cá nhân đề xuất với một số địa phương thu xếp tiền không rõ nguồn gốc chuyển từ nước ngoài về để đầu tư các dự án PPP. Liên quan đến nội dung này, Luật PPP của Hàn Quốc chỉ quy định “nhà đầu tư” là tổ chức. Do đó, Cơ quan soạn thảo kiến nghị giữ nguyên quan điểm đối với quy định này.
		Có ý kiến đề nghị xem xét lại định nghĩa về “đơn vị chuẩn bị dự án” tại khoản 11; kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau: “Đơn vị chuẩn bị dự án là đơn vị tổ chức, tức là nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thực hiện lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan”; bỏ cụm từ “giao nhiệm vụ” ở định nghĩa “đơn vị chuẩn bị dự án”.	Cơ quan soạn thảo sẽ phối hợp với Cơ quan thẩm tra nghiên cứu nội dung này.
		Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “kinh tế” tại khoản 13 vì cho rằng hiệu quả của đầu thầu không chỉ có kinh tế mà còn nhiều mặt về văn hóa, xã hội.	Hiệu quả về mặt kinh tế là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình đề xuất, thẩm định và phê duyệt một dự án đầu tư có mục đích công (xác định việc . Nhằm xác định tính bền vững của một dự án, các chỉ tiêu hiệu quả về xã hội, môi trường, văn hoá ... cũng sẽ được đánh giá, trên cơ sở cạnh tranh giữa các nhà đầu tư căn cứ nghiên cứu tiền khả thi và

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khả thi (Điều 15, 21 của dự thảo Luật) và quá trình lựa chọn nhà đầu tư.
		Có ý kiến đề nghị định nghĩa rõ ràng và cụ thể hơn về vốn nhà nước trong dự án PPP tại khoản 23.	Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục phối hợp tiếp thu nội dung này.
		Có ý kiến đề nghị bổ sung các khái niệm về “sản phẩm, dịch vụ công”, “khu vực công”, “dịch vụ sự nghiệp công”, “dịch vụ công ích”, “hợp đồng PPP”, “nhà đầu tư liên doanh”, “hợp đồng tư vấn giải quyết kiến nghị”, “độc lập về pháp lý”, “độc lập về tài chính”, “dự án công nghệ cao”, “cơ quan khác ở Trung ương”, “cơ quan nhà nước ký kết hợp đồng”, “dự án PPP quan trọng” trong phần giải thích từ ngữ; đề nghị không quy định khái niệm các từ ngữ đã được quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư.	Các thuật ngữ sẽ được xem xét, làm rõ trong tổng thể hoàn thiện dự thảo Luật.
II	Các nội dung cụ thể		
1.	Về lĩnh vực đầu tư của dự án PPP (khoản 1 Điều 5)	Nhiều ý kiến cho rằng, nên mở rộng lĩnh vực đầu tư của dự án PPP, không chỉ giới hạn trong 7 lĩnh vực được đề xuất tại dự thảo Luật, cần bổ sung các lĩnh vực khác như giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường, nông nghiệp; hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; hạ tầng khoa học công nghệ; hạ tầng khu vui chơi, giải trí; hạ tầng thương mại; hạ tầng thủy sản; các lĩnh vực trợ giúp trẻ em, người cao tuổi. Có ý kiến đề nghị bổ sung danh mục lĩnh vực đầu tư theo Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.	Dự thảo Luật được thiết kế theo hướng lược bỏ các lĩnh vực không được triển khai theo PPP trên thực tế hoặc có triển khai theo PPP nhưng không hiệu quả hoặc không hấp dẫn khu vực tư nhân hoặc đã triển khai ổn theo các phương thức đầu tư khác (xã hội hóa, đầu tư tư nhân). Nhiều ý kiến đại biểu cho rằng cần phải thu hẹp hơn nữa. Chính phủ sẽ tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội để thống nhất quy định này.
		Một số ý kiến nhất trí với quy định về các lĩnh vực đầu tư như tại dự thảo Luật nhằm tập trung vào một số lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm và các dự án có quy mô lớn, phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện nay, không nên mở rộng lĩnh vực đầu tư. Một	Với định hướng lược bỏ các lĩnh vực chưa được triển khai PPP thực chất tại Việt Nam, việc quy định cơ chế mở cho trường hợp phát sinh nhằm đảm bảo tính đáp ứng với thực tiễn là cần thiết. Cơ quan soạn

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		số ý kiến đồng tình với thiết kế mở để bổ sung các lĩnh vực khác khi cần thiết; có ý kiến đề nghị cần rà soát, chọn lọc, giới hạn, đánh giá tác động cho từng lĩnh vực áp dụng theo phương thức PPP và không đưa quy định mở rộng lĩnh vực đầu tư do lo ngại dự án PPP tràn lan sẽ không mang lại hiệu quả; đề nghị quy định cụ thể các lĩnh vực khác và bỏ quy định tại điểm h khoản 1.	thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất một số điều kiện cho cơ chế mở này.
		Có ý kiến đề nghị phân loại các lĩnh vực đầu tư của dự án PPP thành ba nhóm: (i) dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng; (ii) dự án đầu tư cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; (iii) dự án dịch vụ công ích. Ý kiến khác đề nghị phân loại thành 03 nhóm gồm: (i) dự án hạ tầng kỹ thuật; (ii) dự án hạ tầng kinh tế - xã hội; (iii) nhóm dự án khác.	Trên thực tế, việc sử dụng khái niệm “dịch vụ sự nghiệp công” (chỉ dịch vụ do đơn vị sự nghiệp cung cấp), “dịch vụ công ích” (chỉ dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp) cũng không đảm bảo phân loại được các dịch vụ công một cách rõ ràng. Gần đây, Chính phủ đã ban hành một nghị định (Nghị định 32/2019/NĐ-CP để quy định thống nhất, không tiếp tục phân tách hai khái niệm này theo đối tượng cung cấp và dần dần đi vào bản chất của dịch vụ và nhất quán sử dụng các khái niệm về: dịch vụ sử dụng đường bộ, dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt, dịch vụ xử lý chất thải rắn... tại Luật Phí và Lệ phí, Luật Giá.
		Có ý kiến cho rằng, không nên thu hút đầu tư vào những lĩnh vực liên quan đến quốc phòng, an ninh; cần rà soát, đánh giá các lĩnh vực không được áp dụng; cần nhắc tính khả thi và tính hợp lý của việc áp dụng PPP trong những trường hợp liên quan trực tiếp đến quốc phòng, an ninh; đề nghị rà soát, thống nhất với Luật Điện lực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 về lĩnh vực PPP bao gồm hệ thống truyền tải điện, trong khi việc truyền tải điện là độc quyền của Nhà nước, nhằm bảo đảm an ninh nhà nước trong lĩnh vực truyền tải điện.	Việc huy động nguồn lực tư nhân đầu tư trong các lĩnh vực liên quan đến quốc phòng, an ninh theo phương thức PPP phải được xem xét rất cẩn trọng mà trong nhiều trường hợp, cơ chế cạnh tranh của thị trường không thể thay thế được chức năng soát xét của phía Nhà nước. Do đó, tại Chương III về lựa chọn nhà đầu tư, nội dung này đã được cơ quan soạn thảo đề xuất quy định tại trường hợp thực hiện chỉ định thầu. Định hướng cho phép thực hiện hợp đồng PPP đối với lĩnh vực truyền tải điện là không trái với quy định độc quyền Nhà nước tại Luật Điện lực. Lý

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Có ý kiến đề nghị căn cứ vào các dự án đã triển khai để xác định tiêu chí, tỷ lệ lợi nhuận tối thiểu làm cơ sở để quy định lĩnh vực đầu tư PPP nhằm bảo đảm tính khả thi; đề nghị những lĩnh vực đầu tư như công viên, nhà công vụ, chợ dân sinh có tính chất phục vụ thuần túy hoặc dịch vụ công ích thì Nhà nước nên đầu tư hoặc xã hội hóa hoàn toàn mà không nên áp dụng PPP. Đồng thời, đề nghị bổ sung thêm những dự án PPP có tính chất hỗn hợp đáp ứng tiêu chí khai thác tối đa đơn vị diện tích đất và tài sản công hoặc đáp ứng theo xu hướng kinh tế tuần hoàn hiện nay; ví dụ như một dự án xử lý rác thì có thể làm phát điện, làm phân bón, xử lý nước thải và cung cấp nước sạch dân sinh. Đối với những loại hình này, cần có chính sách ưu đãi lũy tiến để khuyến khích đầu tư; đề nghị nghiên cứu bỏ sung hai tiêu chí là nguồn vốn và lĩnh vực, tính chất của ngành nghề và kết hợp hai tiêu chí này để lựa chọn phương án thực hiện dự án PPP vì có trường hợp tổng mức đầu tư dự án dưới 200 tỷ đồng, Nhà nước không có nhu cầu đầu tư nhưng về tính chất lại hấp dẫn nhà đầu tư khác.	do: PPP không phải là đầu tư tư nhân nên quyền kiểm soát, quyết định các yếu tố liên quan đến phát triển, cung ứng dịch vụ truyền tải điện vẫn phải do cơ quan Nhà nước thực hiện. Các ý kiến của Đại biểu tại nội dung này liên quan đến nhiều khía cạnh nhằm đảm bảo tính khả thi của việc triển khai PPP. Đối với khung tiêu chí về lợi nhuận, Cơ quan soạn thảo đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính thực hiện song song dự thảo về cơ chế tài chính trong PPP, trong đó có nội dung này. Đối với ý kiến về tiêu chí nhằm xác định hiệu quả sử dụng đất cao hơn, hiệu quả môi trường tốt hơn, Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục phối hợp để quy định một cách khái quát, bao hàm được các nội dung, yêu cầu của Đại biểu. Đối với ý kiến: Nhà nước không có nhu cầu đầu tư nhưng lại hấp dẫn nhà đầu tư tham gia, Cơ quan soạn thảo báo cáo như sau: trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất đã được quy định tại Mục 2 Chương II dự thảo Luật. Tuy nhiên, vẫn cần xác định dự án nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng mục tiêu công, phải qua các bước lập, thẩm định, phê duyệt tương đương với dự án do phía Nhà nước chuẩn bị. Trường hợp dự án không có mục tiêu công thì phải xác định thực hiện theo cơ chế thị trường theo Luật Đầu tư, lời ăn lỗ chịu, để không lạm dụng các cơ chế bảo đảm đầu tư được quy định tại dự thảo Luật này.
2.		Đa số ý kiến nhất trí với việc giao Chính phủ quy định hạn mức quy mô đầu tư tối thiểu của dự án PPP phù hợp với từng	Dự án PPP là dài hạn, phức tạp nên chi phí chuẩn bị đầu tư cao; dự án PPP hiệu quả khi có quy mô đủ lớn. Quy định hạn mức sẽ giúp đầu tư tập trung,

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngành, lĩnh vực và tùy từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.	
		Một số ý kiến nhất trí với việc quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP là 200 tỷ đồng, tuy nhiên cần tiếp tục tham khảo, nghiên cứu để xác định hạn mức cụ thể; đề nghị giải trình căn cứ quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu là 200 tỷ đồng mà không phải mức cao hơn, căn cứ loại trừ đối với dự án áp dụng loại hợp đồng kinh doanh - quản lý; xem xét lại quy định về quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP, đặc biệt đối với các địa phương miền núi, các địa bàn khó khăn; đề nghị cần nhắc giảm quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu để đáp ứng nhu cầu đầu tư trong nhiều lĩnh vực; quy định riêng cho khu vực miền núi ở mức không thấp hơn 50 tỷ đồng; không nên quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu nhằm tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư dự án PPP, kể cả những dự án có tổng mức đầu tư dưới 200 tỷ đồng; đề nghị Chính phủ xem xét, hướng dẫn các dự án có quy mô nhỏ hơn hạn mức 200 tỷ đồng có thể lựa chọn các phương thức khác với thủ tục đơn giản hơn, xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục... để thu hút vốn đầu tư tư nhân cho các dự án quy mô nhỏ ở địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; đề nghị xem xét quy định theo hướng chỉ quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án PPP có liên quan đến vốn đầu tư công do Nhà nước bỏ ra hoặc quy định mức tối thiểu vốn đầu tư công của Nhà nước tham gia vào dự án PPP nếu dự án có sử dụng vốn đầu tư công, không quy định mức tối thiểu đối với tổng mức đầu tư dự án PPP.	tránh dân trải. Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của đa số ĐBQH, sẽ quy định chi tiết hạn mức quy mô đầu tư tối thiểu của dự án PPP phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và tùy từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Khác với đầu tư công thuần túy (mang tính cấp phát) hoặc đầu tư tư nhân thuần túy (nhà đầu tư tự chịu rủi ro thị trường), việc thực hiện PPP đòi hỏi năng lực phía Nhà nước phải đảm bảo để đáp ứng tốt các cam kết, các trách nhiệm pháp lý của một “đối tác” trong hợp đồng nhiều năm. Do đó cần được thực hiện một cách bài bản, có chọn lọc, không tràn lan. Kinh nghiệm chung về triển khai PPP tại các nước khác là thực hiện PPP một cách tập trung, có quy định hạn mức tối thiểu về quy mô dự án (thường ở mức 50 triệu USD hoặc 100 triệu USD). Tại nước ta, các dự án nhỏ hơn đã có quy định về xã hội hoá tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP và 59/2014/NĐ-CP điều chỉnh.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP một cách hợp lý, quy định quá thấp có thể dẫn đến tình trạng làm dự án PPP tràn lan, quy định quá cao có thể dẫn đến hệ quả phân biệt đối xử, làm giảm khả năng tiếp cận của các nhà đầu tư trong nước.	Đề xuất giao Chính phủ xác định ngưỡng đối với quy mô dự án trong từng lĩnh vực là để hiện thực hoá yêu cầu này của Đại biểu Quốc hội.
3.	Về phân loại dự án PPP (khoản 3 Điều 5), cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan ký kết hợp đồng PPP (Điều 7), thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP (Điều 13)	Một số ý kiến đề nghị bổ sung, quy định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP để phù hợp với Luật Đầu tư công; nên xem xét quy định 3 cấp quyết định chủ trương đầu tư gồm: Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân; đề nghị bổ sung thẩm quyền của UBND cấp huyện, cấp xã và thẩm quyền của HĐND các cấp cho phù hợp với các loại dự án đầu tư theo hình thức đầu tư công đã quy định tại Luật Đầu tư công; đề nghị giải thích rõ lý do không quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP; cần tách riêng đối với hợp đồng BT, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với loại dự án này; đề nghị bổ sung thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc ban hành nghị quyết về đầu tư theo phương thức PPP, quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền, giám sát việc thực hiện pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP tại địa phương và dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Một số ý kiến nhất trí về việc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP gồm 03 cấp như quy định tại dự thảo Luật; đề nghị quy định cụ thể cơ quan nào sẽ là cơ quan ký kết hợp đồng PPP đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ; ở địa phương chỉ bao gồm UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; bổ sung nguyên tắc phân định thẩm quyền	Tiếp thu tối đa ý kiến của các ĐBQH, Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ thể hiện tại dự thảo Luật nội dung: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP của địa phương. Riêng dự án BT thì còn phải khớp nối với Luật quản lý và sử dụng tài sản công. Quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ tại Dự thảo Luật đồng bộ với các quy định tại pháp luật về đầu tư công. Tuy nhiên, do có sự giao thoa giữa công và tư, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cần đồng bộ với cả Luật Đầu tư đang được Quốc hội xem xét, sửa đổi.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quyết định chủ trương đầu tư, ký kết hợp đồng PPP giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ với UBND cấp tỉnh. Một số ý kiến cho rằng, cần quy định cụ thể hơn về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, trách nhiệm và thẩm quyền xét duyệt chủ trương đầu tư, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư gắn với việc phân loại dự án phù hợp với đặc thù của phương thức đầu tư, tạo điều kiện bảo đảm tiến độ triển khai dự án, bảo đảm được lợi ích các bên; việc phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư có thể quy định theo nhóm hợp đồng (quy định tại Điều 40) và quy mô, tính chất của dự án; đề nghị làm rõ trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng; đề nghị dẫn chiếu quy định về thẩm quyền của cơ quan nhà nước và cơ quan ký kết hợp đồng theo quy định tại Luật Đầu tư công. Một số ý kiến cho rằng, cần phân cấp mạnh cho các cấp địa phương, đề nghị phân cấp cho UBND cấp huyện, cấp xã làm cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan ký kết hợp đồng PPP; có ý kiến cho rằng, không nên phân cấp cho địa phương.	Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ nghiên cứu cụ thể hơn về nội dung này. Hiện tại, dự thảo đã quy định một Chương về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đầu tư PPP (Chương IX). Việc phân loại và phân cấp thực hiện dự án PPP hiện đang được quy định tại khoản 3 Điều 5 Dự thảo Luật.
		Một số ý kiến cho rằng, cần xem xét, rà soát lại sự phù hợp của quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư theo quy mô đi dân tái định cư, tổng mức đầu tư; đề nghị xem xét lại quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 13 (về việc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên) để thống nhất với thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ	Với bản chất của dự án PPP và cơ chế ràng buộc trách nhiệm pháp lý ràng buộc trong nhiều năm giữa cả bên công và bên tư như đã phân tích tại các nội dung trên, Cơ quan soạn thảo nhận thấy việc phân cấp tới cấp huyện và xã là chưa khả thi. Sơ bộ, quan điểm này cũng nhận được sự đồng tình của Cơ quan thẩm tra. Do PPP mang cả tính chất của đầu tư công và tính chất của đầu tư tư nên Cơ quan soạn thảo nhận thấy việc thực hiện rà soát như yêu cầu của Đại biểu Quốc hội là cần thiết. Trong giai đoạn giữa hai kỳ họp hiện nay, cả Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra đang tích cực thực hiện hoàn chỉnh dự thảo Luật, trong đó có nội dung này.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tướng Chính phủ quy định tại Luật Đầu tư năm 2014 (quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên); đề nghị rà soát quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 13 của dự thảo Luật bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 83 của Luật Đầu tư công (sửa đổi). Có ý kiến đề nghị quy định tại khoản 3 Điều 13 theo hướng của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP, cụ thể: “Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh....”. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa trong dự thảo Luật cho phù hợp, thống nhất về tên gọi quyết định hay chấp thuận đối với chủ trương đầu tư, theo dự thảo luật PPP là quyết định chủ trương đầu tư nhưng theo dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) là chấp thuận chủ trương đầu tư.	Nội dung Đại biểu nêu ý kiến liên quan đến thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP. Do đã thay đổi về nội dung Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung này nên Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ phối hợp chỉnh sửa tương ứng. Do PPP có sự khác biệt về bản chất với đầu tư tư nhân thuần túy nên tên gọi của các khâu then chốt trong quy trình đầu tư cũng khác nhau. Trường hợp dự án đầu tư tư nhân, Nhà nước “cho phép” đầu tư bằng một quyết định “chấp thuận chủ trương đầu tư”. Trường hợp dự án PPP, do có mục đích công và sẽ sử dụng nguồn lực của Nhà nước hoặc của người dân để chi trả (trên cơ sở đó xác định khả năng hoàn vốn cho nhà đầu tư) nên sau bước nghiên cứu tiền khả thi, Nhà nước sẽ “quyết định chủ trương đầu tư”. Nội dung này sẽ được Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra nghiên cứu kỹ lưỡng và đề xuất cụ thể tại dự thảo Luật trong thời gian sắp tới.
		Có ý kiến đề nghị tại điểm d khoản 1 Điều 7 cần quy định rõ tổ chức nào có thẩm quyền và chức năng ký hợp kết hợp đồng PPP; đề nghị quy định tại khoản 3 Điều 7 về các tổ chức chính trị - xã hội hợp tác với khu vực tư nhân thực hiện hợp đồng BT thì nên được điều chỉnh theo các quy định về liên doanh, liên kết quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4.	Về Hội đồng thẩm định dự án PPP (Điều 6)	Đa số ý kiến nhất trí với việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án PPP, tuy nhiên cần làm rõ thêm một số nội dung về nguyên tắc thành lập, thời hạn, thành phần, cơ quan chủ trì, thẩm quyền của Hội đồng thẩm định.	Quy định về Hội đồng thẩm định dự án PPP hiện nay được xây dựng đồng bộ về mặt nội dung với Luật Đầu tư công. Các nội dung về nguyên tắc thành lập, thời hạn, thành phần, cơ quan chủ trì, thẩm quyền của Hội đồng thẩm định; trách nhiệm của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng thẩm định sẽ được quy định chi tiết tại cấp Nghị định (tương tự Luật Đầu tư công).
		Một số ý kiến đề nghị quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng thẩm định; đề nghị có cơ chế kiểm soát về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thẩm định các cấp, hạn chế tiêu cực, khép kín, tránh cơ chế xin - cho, đề cao trách nhiệm của các thành viên tham gia Hội đồng; đề nghị quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định phù hợp với từng loại dự án.	Điều 6 của dự thảo Luật đã phản ánh một số nguyên tắc đối với việc thành lập Hội đồng, và xác định cấp Hội đồng tương ứng với phân cấp quản lý dự án quy định tại Điều 5 của dự thảo Luật. Cơ chế hoạt động của Hội đồng bao gồm nhiều thành viên, chịu trách nhiệm về các nội dung khác nhau đối với dự án, tuân thủ quy định của pháp luật về từng nội dung thẩm định, nên sẽ hạn chế được nguy cơ khép kín, xin-cho.
		Có ý kiến đề nghị làm rõ “các trường hợp cần thiết” quy định tại khoản 2; đề nghị bổ sung nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của Hội đồng thẩm định tại khoản 2.	Trong giai đoạn hoàn thiện dự thảo Luật giữa hai kỳ họp, nội dung này đang được Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra trao đổi theo hướng tập trung các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát tại Chương VIII của dự thảo Luật.
		Một số ý kiến đề nghị làm rõ các quy định tại khoản 4 liên quan đến việc Hội đồng thẩm định dự án PPP được thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ thẩm định dự án PPP; đề nghị cần nhắc quy định Hội đồng thẩm định dự án PPP hoặc cơ quan quản lý nhà nước được thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện	Quy định tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật là cơ chế “cho phép”, không phải là cơ chế “bắt buộc” phải thuê tư vấn. Trường hợp thuê tư vấn thì phải thực hiện quy trình lựa chọn theo đúng quy định. Thực tế xem xét, thẩm định các dự án lớn trong thời gian

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhiệm vụ thẩm định dự án để bảo đảm khách quan, phòng ngừa đơn vị tư vấn là sản sau của doanh nghiệp; đề nghị làm rõ các dự án không nhất thiết phải thu thuế tư vấn vì sẽ làm tăng chi phí thẩm định.	gần đây như sân bay Long Thành, đường sắt cao tốc, nhiều tư vấn có uy tín (kể cả tư vấn quốc tế) đã được thuê để giúp thực hiện các phần công việc có tính chuyên môn cao.
		Có ý kiến đề nghị bỏ nội dung “trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công” tại điểm b khoản 1 Điều 14 (Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP) vì trường hợp này đã được quy định tại Luật Đầu tư công; đề nghị sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 14 là “thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công”.	Cơ quan soạn thảo báo cáo làm rõ với Đại biểu Quốc hội tại nội dung này. Cụ thể: khoản 2 Điều 28 và khoản 4 Điều 40 Luật Đầu tư công không quy định cho dự án PPP mà dẫn chiếu sang pháp luật về PPP cho toàn bộ giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi và khả thi. Như vậy, chỉ khi có sử dụng vốn đầu tư công tham gia thì phải có quy định dẫn chiếu phù hợp với khâu thẩm định nguồn vốn và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.
5.	Về chuẩn bị dự án (Chương II)	Một số ý kiến đề nghị quy định cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư quyết định dự án đầu tư chịu trách nhiệm điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trong mọi trường hợp kể cả khi nội dung điều chỉnh làm thay đổi phân loại dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, bảo đảm rõ trách nhiệm và phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công; đề nghị xem xét lại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 (Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP): trường hợp giảm dưới 20% làm thay đổi cấp có thẩm quyền thấp hơn là không cần thiết, làm phát sinh thủ tục vì chủ trương do cấp trên quyết định thì hiệu lực, thẩm quyền cao hơn; nội dung này phù hợp với hệ thống pháp luật trong đầu tư xây dựng hiện nay.	Về cấp có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư: Tiếp thu ý kiến ĐBQH, tương tự Luật Đầu tư công, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP là cấp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Bởi tính chất phức tạp của dự án PPP, kiến nghị bổ sung trường hợp điều chỉnh làm thay đổi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thì xin ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư tương ứng quy định tại Điều 13 của Luật này.
		Có ý kiến đề nghị chuyển quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 53 (Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế) vào khoản 4 Điều 21 (Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi) vì cho rằng nội dung này thuộc giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, không phải trong giai đoạn triển khai thực hiện	Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế quy định tại Điều 53 là thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, không thuộc giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi (Điều 21) đã quy định phải có thiết kế cơ sở. Quy định này

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dự án, việc thay đổi thiết kế trong giai đoạn triển khai dự án sẽ làm thay đổi dự toán, tổng mức đầu tư, phương án tài chính trong khi tổng mức đầu tư và phương án tài chính đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng PPP.	phù hợp với Luật Xây dựng. Đây là một trong những điểm khác biệt giữa cách tiếp cận theo đầu ra của PPP và cách tiếp cận theo đầu vào của đầu tư công truyền thống. Theo đó, nhà đầu tư PPP sau khi đã được lựa chọn trên cơ sở phương án khả thi và hiệu quả nhất sẽ được quyền phát huy năng lực quản lý và khả năng sáng tạo thông qua việc tự tổ chức thiết kế (với điều kiện phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xây dựng thẩm định, thông qua) và tổ chức xây dựng công trình, cung cấp dịch vụ, miễn là đáp ứng các yêu cầu về đầu ra đối với dịch vụ công đã được xác định tại Báo cáo nghiên cứu khả thi, hợp đồng dự án PPP.
		Có ý kiến đề nghị bổ sung tại Điều 23 (Thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi) về trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cơ quan, cá nhân tham mưu trình, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tùy theo từng lĩnh vực đầu tư; đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau: “Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Luật này”.	Trách nhiệm của các cơ quan trong suốt quá trình chuẩn bị, thực hiện dự án đã được quy định tại Điều 92, 93 và 94 của dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục rà soát sự thống nhất trong các quy phạm của pháp luật. Đối với nội dung phân cấp phê duyệt FS, việc quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật là phù hợp với phân cấp tại Luật Đầu tư công.
		Có ý kiến đề nghị việc đề xuất dự án phải do cơ quan nhà nước lập, hạn chế các dự án do nhà đầu tư đề xuất để bảo đảm quy hoạch, định hướng tập trung có hiệu quả vốn đầu tư, tránh rủi ro, thiếu minh bạch khi triển khai.	Việc cho phép nhà đầu tư đề xuất dự án là cách làm được công nhận rộng rãi tại tất cả các quốc gia triển khai PPP. Do đó kiến nghị giữ nguyên quy định này tại dự thảo Luật.
		Một số ý kiến đề nghị cần nhắc nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 (Điều kiện đề xuất dự án của nhà đầu tư) vì cho rằng không nên đặt ra giới hạn như dự thảo Luật mà nên	Việc cho phép nhà đầu tư đề xuất dự án PPP không có nghĩa là “mở toang”, không hạn chế bất kỳ điều kiện nào. Việc đầu tư PPP phải đúng mục đích

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quy định theo nguyên tắc khuyến khích nhiều nhà đầu tư lập đề xuất dự án thì sẽ chọn được dự án tốt nhất; cần có những ưu tiên nhất định để thu hút nhà đầu tư chủ động đề xuất dự án PPP; đề nghị nghiên cứu, hoàn chỉnh quy trình chuẩn bị đầu tư trong trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đưa ra một danh mục các dự án cần huy động vốn thực hiện dự án PPP và nhà đầu tư chỉ lựa chọn dự án trong danh mục này để đề xuất; đồng thời, việc phê duyệt chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo khả thi cũng phải được cơ quan nhà nước thực hiện rồi công bố rộng rãi để kêu gọi đầu tư, bảo đảm khách quan, thiết thực. Một số ý kiến đề nghị xem xét tính khả thi của quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 4 (Giải thích từ ngữ), khoản 2 và khoản 3 Điều 27 (Điều kiện đề xuất dự án của nhà đầu tư) và làm rõ, giải thích cụ thể về phạm trù nhà đầu tư đề xuất dự án có phải là chủ thể cung cấp sản phẩm, dịch vụ công mà Nhà nước có trách nhiệm cung cấp hay không và khi nhà đầu tư đề xuất dự án thì nhà đầu tư có thể ký kết thực hiện hợp đồng PPP để thực hiện dự án PPP khi dự án PPP được chấp thuận hay không. Đề nghị có cơ chế về mặt tài chính để tạo hành lang pháp lý để nhà đầu tư đề xuất dự án; đề nghị quy định tại khoản 3 Điều 27 chỉ nên áp dụng trong trường hợp: (i) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi không được phê duyệt đến không chấp thuận chủ trương đầu tư; (ii) Báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt (đối với dự án không qua thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư); những trường hợp còn lại nên có cơ chế hoàn trả chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi.	công, không cho phép thực hiện theo PPP (thực chất là hưởng các cơ chế ưu đãi, bảo đảm đầu tư) đối với dự án có mục đích kinh doanh của tư nhân thuần túy. Nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 mang ý nghĩa không đề trùng lặp nghiên cứu, gây lãng phí nguồn lực xã hội. Việc nhà đầu tư đề xuất dự án không đương nhiên đồng nghĩa với việc nhà đầu tư này được giao thực hiện dự án (tình trạng xảy ra phổ biến trong giai đoạn trước, gây nhiều bức xúc). Theo quy định của dự thảo Luật, đề xuất dự án của nhà đầu tư phải được xem xét, thẩm định theo đúng chuẩn mực cho các dự án PPP, trình phê duyệt như một dự án PPP do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuẩn bị. Trường hợp các nghiên cứu được chấp thuận thì nhà đầu tư đề xuất dự án cũng vẫn phải tham gia đấu thầu (được hưởng ưu đãi) để xác định được nhà đầu tư có phương án bỏ vốn và triển khai hiệu quả nhất. Cơ chế này vừa đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thông lệ quốc tế, vừa đảm bảo giảm thiểu các tiêu cực thời gian vừa qua. Về cơ chế tài chính để tạo hành lang pháp lý cho nhà đầu tư đề xuất dự án: Cơ quan soạn thảo dự kiến tiếp tục quy định về trường hợp nhà đầu tư có đề xuất dự án được thẩm định và phê duyệt nhưng không trúng thầu thì được nhà đầu tư trúng thầu hoàn trả chi phí chuẩn bị dự án, như đã được thực hiện ổn định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Nghị định 63/2018/NĐ-CP, theo đúng gọi ý của Đại biểu.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Một số ý kiến đề nghị Luật phải quy định được khung xây dựng phương án tài chính để dự tính sát nguồn thu và có cơ chế chia sẻ rủi ro phù hợp, như cách xác định, thời điểm xác định, các quy định của luật khác áp dụng để xác định giá trị đất, tài sản công dùng thanh toán cho nhà đầu tư hay nguyên tắc xác định mức thu của người sử dụng công trình, dịch vụ mà thực chất là thu của cơ quan nhà nước và người dân; bỏ sung quy định dự toán được chi phí cần bỏ ra để có công trình, dự toán xây dựng trên cơ sở các định mức đơn giá do Nhà nước quy định, chưa quy định hoặc quy định bất cập thì xây dựng duyệt riêng cho phù hợp, dự toán được duyệt sẽ là giá tối đa để xét thầu hoặc loại bỏ nhà thầu trúng thầu hưởng lợi vượt quá cao so với mức hợp lý, gây thất thoát tiền, tài sản của Nhà nước hoặc thu quá mức của người dân; đề nghị bỏ sung quy định ràng buộc trách nhiệm của các bên liên quan ngay từ giai đoạn khảo sát, lập dự án, đặc biệt đối với các dự án có quy mô lớn về vốn, đặc thù về công nghệ mà Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm thì cần thuê tư vấn quốc tế đủ năng lực từ khâu khảo sát, lập dự án, tránh các bài học đắt giá như các dự án tăng tổng mức đầu tư nhiều lần và chậm trễ trong quá trình triển khai thực hiện, làm giảm hiệu quả đầu tư vốn như thời gian vừa qua; nên dùng kinh phí của Nhà nước để chuẩn bị dự án, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi... sau đó nhà đầu tư thắng thầu sẽ phải bù lại khoản đầu tư này.	Khung phương án tài chính là cần thiết, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP hiện hành cũng đã yêu cầu Bộ quản lý ngành phối hợp Bộ Tài chính xây dựng khung lợi nhuận cho từng ngành. Tuy nhiên đây là nội dung khó, do vậy Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan chuyên môn, đặc biệt là Bộ Tài chính để xây dựng hướng dẫn cụ thể tại Nghị định. Việc xây dựng khung phương án tài chính nên được quy định nguyên tắc tại Luật, hướng dẫn chi tiết tại Nghị định và Thông tư của các Bộ. Ý kiến về việc quy định bỏ sung trách nhiệm của đơn vị chuẩn bị dự án, đơn vị thẩm định: Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp thu và cập nhật tại dự thảo lần tới. Về nội dung dự toán được sử dụng để xây dựng cơ sở (đầu bài) cho việc mời thầu: hiện nay dự thảo Luật đã đáp ứng được yêu cầu đó. Việc thuê tư vấn quốc tế hoặc tư vấn có uy tín: dự thảo Luật đã quy định lồng ghép trong cơ chế chung về việc thực hiện nhiệm vụ hoặc thuê tuyển tư vấn hỗ trợ nhiệm vụ của phía nhà nước khi chuẩn bị, triển khai dự án (Điều 12 của dự thảo Luật).
6.	Về lựa chọn nhà đầu tư (Chương III)	- Nhiều ý kiến cho rằng, dự thảo luật cần quy định chặt chẽ hơn, việc lựa chọn nhà đầu tư PPP cần hướng đến đầu thầu rộng rãi, cần quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá về năng lực và năng lực tài chính của nhà đầu tư để lựa chọn được nhà đầu tư đủ tiêu chuẩn trong quá trình thực hiện dự án; thận trọng trong việc chi định thầu đối với các dự án PPP, tránh xảy ra tiêu cực đối với các trường hợp chi định thầu; đề nghị	Tiếp thu ý kiến các Đại biểu Quốc hội về Chương III của dự thảo Luật, Chính phủ sẽ bổ sung tối đa các nội dung tại Luật Đầu thầu Dự kiến bỏ sung và các nội dung sau:

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	giải trình rõ hơn về các trường hợp chỉ định thầu vì lý do bảo đảm tính liên tục trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, ngoài các trường hợp do bên cho vay đề xuất theo quy định tại Điều 48 (Quyền tiếp nhận dự án của bên cho vay) thì còn trường hợp nào khác hay không, liệu dự thảo Luật có bảo đảm không xảy ra các trường hợp chỉ định thầu do chỉ có 1 nhà thầu tư nộ hồ sơ thầu; đề nghị không áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với tất cả các dự án PPP; trình tự, thủ tục đấu thầu cần kế thừa triệt để Luật Đấu thầu hiện hành, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh.	- Một số ý kiến đề nghị tăng cường tính chỉ định thầu đối với các nhà thầu có tiềm năng, năng lực tài chính, khoa học, công nghệ tốt, kinh nghiệm xây dựng, quản lý và vận hành các dự án PPP lớn trong và ngoài nước; đề nghị quy định trong Luật trường hợp được chỉ định thầu và các trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Luật Đấu thầu; đề nghị giao Chính phủ quy định việc chỉ định nhà thầu. - Một số ý kiến cho rằng, cần bổ sung quy định chi tiết hơn tại Chương III về lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà thầu, cụ thể là quy định lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, tiêu chí đánh giá, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà thầu; đề nghị cân nhắc đây là đấu thầu dự án chứ không phải đấu thầu lựa chọn nhà thầu hay lựa chọn doanh nghiệp dự án.	- Quy định chung về lựa chọn nhà thầu (ngôn ngữ, bảo đảm, tư cách hợp lệ, chi phí, thời gian, đào tạo...). - Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm đồng bộ với quy định tại Điều 26 của Luật Đấu thầu. - Quy trình sơ tuyển chỉ áp dụng bắt buộc với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ. Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ, ngành, địa phương được tùy chọn áp dụng. - Hình thức lựa chọn nhà thầu: đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh, chỉ định nhà thầu. - Quy trình lựa chọn nhà thầu. - Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. - Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu.
	Có ý kiến cho rằng, quy định lựa chọn danh sách ngân hàng tại Điều 30 (Quy trình tổng quát lựa chọn nhà thầu) là không phù hợp; đề nghị quy định cụ thể về quy trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo nhóm dự án PPP (theo quy mô, loại hình hợp đồng PPP hoặc theo lĩnh vực) để tránh trường		Quy trình tổng quát tại Điều 30 chỉ phản ánh một cách khái quát các bước cần thiết của một cuộc thầu. Đối với các nội dung Đại biểu yêu cầu, Cơ quan soạn thảo sẽ làm rõ nguyên tắc và chi tiết hoá tại dự thảo Nghị định trình kèm với dự thảo Luật tại kỳ họp tới.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hợp cáo bằng, gia tăng chi phí hoặc thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư đối với những dự án có giá trị không lớn. Một số ý kiến đề nghị quy định rõ hơn về hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư liên quan đến dự án quốc phòng an ninh quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 31 (Hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư); trường hợp nếu các dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 5 có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước thì đề nghị không thực hiện theo phương thức đầu tư PPP, các dự án này phải là dự án đầu tư công; đề nghị làm rõ dự án phức tạp, có tính đặc thù quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31.	Các nội dung về chuyên môn đầu thầu như hình thức, phương thức đấu thầu có sự khác biệt lớn giữa lựa chọn nhà đầu tư PPP và lựa chọn nhà thầu. Điều này là do đầu tư PPP áp dụng cách tiếp cận mới là dựa vào đầu ra của dự án (chọn “chủ” để họ được phát huy sáng tạo, đáp ứng tốt nhất yêu cầu), còn trong lựa chọn nhà thầu thì cách tiếp cận là dựa trên đầu vào (chọn “thợ” làm thuê theo đúng thiết kế, bản tiên lượng, cách làm đã được lập trình sẵn của bên mời thầu). Như đã giải trình tại các nội dung phía trên, nếu cấm đầu tư PPP đối với các dự án liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật quốc gia thì sẽ không đảm bảo xử lý được các công việc cần thiết trong thực tiễn thiếu vốn đầu tư công.
		Có ý kiến đề nghị xem xét quy định tại Điều 32 (Điều kiện áp dụng hình thức chi định thầu) đối với trường hợp lựa chọn danh sách ngắn mà chỉ có 01 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì có được phép chi định thầu không; đề nghị xác định cụ thể cơ quan nào có thẩm quyền kết luận về các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 32.	Ý kiến này của Đại biểu xuất phát từ quy định hiện hành do còn chịu sự điều chỉnh của Luật Đấu thầu, với nhiều ảnh hưởng của các quy định về lựa chọn nhà thầu (chọn “thợ”). Đối với lựa chọn nhà đầu tư (chọn “chủ”), dự thảo Luật dự kiến sẽ không duy trì việc áp dụng chi định thầu trong trường hợp sau sơ tuyển chỉ còn 1 nhà đầu tư quan tâm. Điểm b khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật đã xác định Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (đối với vấn đề quốc phòng, an ninh quốc gia) và Bộ quản lý chuyên ngành (đối với vấn đề bảo vệ bí mật nhà nước).
		Có ý kiến đề nghị làm rõ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất thì nhà đầu tư có được tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 33 (Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư và bảo đảm	Nhà đầu tư đề xuất dự án được tham dự thầu đối với thủ tục đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư (khoản 2 Điều 27 dự thảo Luật). Ý kiến của Đại

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cạnh tranh trong đầu thầu); đề nghị bổ sung quy định về tỷ lệ phần trăm vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tham gia liên danh với khu vực tư nhân để tham dự thầu, cụ thể là tối đa không quá 30% tổng mức đầu tư của dự án, nhằm tạo “vốn môi” để khuyến khích, thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư dự án.	biểu đã phát hiện sự chưa thống nhất giữa quy định này và quy định về tư cách hợp lệ. Cơ quan soạn thảo tiếp thu. Về tỷ lệ %, Cơ quan soạn thảo tiếp thu để nghiên cứu và dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định.
7.	Về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP (Điều 39), phát hành trái phiếu doanh nghiệp dự án PPP (Điều 73)	- Một số ý kiến nhất trí với quy định tại dự thảo Luật, theo đó doanh nghiệp dự án được thành lập chỉ nhằm mục đích duy nhất là thực hiện dự án theo hợp đồng với mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần và được phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn thực hiện dự án PPP để tránh rủi ro cho việc triển khai vận hành dự án PPP. - Một số ý kiến cho rằng, quy định tại dự thảo Luật cần bảo đảm tuân thủ Luật Doanh nghiệp; việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án PPP không quy định tại Luật này mà quy định tại Luật Doanh nghiệp; đề nghị cân nhắc quy định việc doanh nghiệp dự án PPP được phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhưng không được phát hành cổ phiếu vì về nguyên tắc doanh nghiệp dự án có quyền mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đăng ký, doanh nghiệp dự án theo mô hình công ty cổ phần mà không có quyền phát hành cổ phiếu là trái với nguyên tắc hình thành cấu trúc vốn của công ty cổ phần, hạn chế chức năng hoạt động và quyền tự do kinh doanh của công ty cổ phần, dự thảo Luật chỉ có thể ngăn cấm việc phát hành cổ phiếu mới để bổ sung vốn điều lệ của công ty; không nên áp dụng mô hình cổ phần vì sẽ giới hạn số lượng cổ đông không phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; đề nghị cân nhắc quy định tại Điều 39 vì giới hạn quyền của doanh nghiệp, đi ngược lại với tinh thần, nguyên tắc của Luật Doanh nghiệp và chính sách về đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư; nếu một chủ đầu tư thực	Điều 3 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó. Với đặc thù doanh nghiệp dự án PPP là doanh nghiệp đặc thù, thành lập để thực hiện một mục đích duy nhất thì Luật PPP cần quy định các nội dung đặc thù. Các nội dung khác thì tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hiện nhiều hợp đồng dự án thì phải thành lập nhiều doanh nghiệp, gây tốn kém và không cần thiết; quy định doanh nghiệp chỉ thực hiện dự án theo hợp đồng sẽ ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh, chỉ nên quy định vấn đề tài chính phải hạch toán độc lập nguồn thu từ dự án với nguồn thu từ các nguồn khác của doanh nghiệp.	
		Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật thiếu quy định về quy trình, thủ tục chuyển giao tiếp nhận giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án về các quyền và nghĩa vụ phát sinh trong quan hệ đầu tư PPP cũng như chưa có các quy định ràng buộc về trách nhiệm liên đới của doanh nghiệp là nhà đầu tư với doanh nghiệp dự án theo hợp đồng PPP.	Khoản 1 Điều 44 dự thảo Luật quy định: Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP hợp thành một bên và cùng ký vào hợp đồng với Cơ quan ký kết hợp đồng. Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP cùng chịu trách nhiệm về toàn bộ các quyền và nghĩa vụ được cam kết trong hợp đồng. Như vậy, Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm tương tự nhau trong hợp đồng PPP.
		Có ý kiến cho rằng, phải thành lập doanh nghiệp dự án trước sau đó mới tổ chức lựa chọn doanh nghiệp; đề nghị làm rõ đã có doanh nghiệp rồi thì có phải thành lập doanh nghiệp dự án mới nữa không, nhất là các đối tác nước ngoài; cần quy định tỷ lệ phân chia lợi nhuận đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước.	Nếu thành lập doanh nghiệp dự án trước sau đó mới tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thì doanh nghiệp mới được thành lập hoàn toàn không có năng lực, kinh nghiệm để tham gia đấu thầu. Theo thông lệ quốc tế, sau khi trúng thầu, nhà đầu tư hoặc liên danh các nhà đầu tư mới thành lập doanh nghiệp dự án.
		Có ý kiến đề nghị xem xét điều chỉnh quy định tại Điều 73 (Phát hành trái phiếu doanh nghiệp dự án PPP) vì doanh nghiệp cần huy động vốn ngay trong quá trình triển khai xây dựng công trình và việc phát hành trái phiếu tương tự như việc vay vốn của ngân hàng; đề nghị xem lại quy định tại khoản 1, nên quy định căn cứ vào Luật Chứng khoán để phù hợp hơn.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến về việc doanh nghiệp cần huy động vốn ngay trong quá trình triển khai xây dựng công trình.
8.		8.1. Về phân loại hợp đồng PPP (Điều 40)	Đối với từng nhóm hợp đồng, Chính phủ sẽ quy định chi tiết việc ban hành hợp đồng mẫu. Theo đó các nội dung Đại biểu quan tâm sẽ được thể hiện rõ,

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về ký kết hợp đồng PPP (Chương IV)	Một số ý kiến cho rằng, hầu hết các quy định tại dự thảo Luật về các loại hợp đồng mới chỉ nêu định nghĩa về các loại hợp đồng, chưa làm rõ được sự khác biệt giữa các loại hợp đồng; đề nghị quy định cụ thể trình tự, thủ tục, cơ chế quản lý, các chế định liên quan đến rủi ro, tài chính, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện hợp đồng. Một số ý kiến thống nhất tiếp tục triển khai hợp đồng xây dựng chuyển giao (BT) nhưng cần siết chặt và minh bạch hơn nữa trong quản lý, triển khai hình thức BT tránh làm tràn lan; đề nghị quy định chặt chẽ về phương thức quản lý, phương thức thanh toán và các quy định khác đối với dự án BT, bảo đảm xử lý được các vấn đề tiêu cực. Về đầu thầu dự án BT và đấu giá khu đất để thanh toán: hiện nay các dự án BT đa số là do nhà đầu tư tạm ứng kinh phí để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất và phân lớn quỹ đất thanh toán đều chưa hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, trong khi đó, theo Luật Đất đai quy định “giá trị quyền sử dụng đất được xác định tại thời điểm giao đất”, nên có khả năng giá đất phải được xác định lại tại thời điểm ban hành quyết định giao đất, gây ảnh hưởng đến việc tính toán lợi nhuận đầu tư của nhà đầu tư, ảnh hưởng đến quá trình kêu gọi đầu tư; đề nghị chỉ dùng quỹ đất hoặc tài sản công gắn với phương án xây dựng có liên quan trực tiếp tới dự án BT thì mới để thanh toán cho dự án BT; những dự án đất độc lập không liên quan đến công trình BT thì không nên dùng để thanh toán cho BT, mà phải đấu giá lấy tiền để thanh toán cho nhà đầu tư sẽ minh bạch hơn; đề nghị bổ sung nội dung nhà đầu tư được cơ quan ký kết hợp đồng thanh toán tài sản đã được xác định ngay trong hợp đồng theo phương thức tài chính đã được phê duyệt; cần rà soát quy định pháp luật về trình tự, thủ tục sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án theo phương	nhằm đạt được sự minh định giữa các hình thức hợp đồng theo các cấu trúc chia sẻ rủi ro cơ bản. Đối với loại hợp đồng BT, Chính phủ tiếp thu theo hướng sẽ bổ sung chi tiết các nội dung, có sự kế thừa các quy định chặt chẽ và phù hợp tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và Nghị định số 69/2019/NĐ-CP. Cơ chế hợp đồng BT sẽ tiếp tục được trao đổi, làm rõ để báo cáo Đại biểu trong thời gian tới.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thức BT (như Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đất đai và một số luật khác, Nghị định số 69/2019/NĐ-CP); đề nghị giải trình thêm các vấn đề liên quan đến BT.		
	Có ý kiến đề nghị dự thảo Luật quy định giao Chính phủ hướng dẫn xác định giá trị tài sản công tham gia vào dự án đầu tư PPP: cần quan tâm các nội dung chưa được quy định cụ thể trong các luật như vấn đề giá trị tài sản được xác định là giá trị trên sổ sách kế toán hay giá trị được xác định lại theo giá thị trường, giá thực tế và vào thời điểm nào; đối với trường hợp tài sản công chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán thì định giá ra sao, việc xác định giá trị phần vốn đầu tư công đã đầu tư từ dự án đầu tư công được chuyển sang dự án PPP thì thực hiện như thế nào.	Việc xác định giá trị tài sản công tham gia dự án PPP phải được xem xét, hướng dẫn theo Luật về quản lý và sử dụng tài sản công 2017. Nghị định 151/2018/NĐ-CP và Nghị định 69/2019/NĐ-CP đã hướng dẫn nội dung Đại biểu quan tâm.	
	Có ý kiến đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 40 dự thảo Luật PPP như sau: “3. Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) là hợp đồng..., cụ thể như sau: a) Bảng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, để nhà đầu tư thực hiện dự án khác; b) Bảng quyền kinh doanh, khai thác công trình, dịch vụ khác; c) Bảng tiền thuộc ngân sách nhà nước, tiền thu được từ bán đầu giá tài sản công; d) Bảng đầu thầu dự án có sử dụng đất hoặc đầu thầu quyền kinh doanh, khai thác công trình, dịch vụ hoặc đầu giá quỹ đất, trụ sở làm việc để nhà đầu tư thực hiện dự án khác”.	Cơ chế thực hiện hợp đồng BT nói chung đang được Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra cùng nghiên cứu đề đề xuất phương án khả thi nhất. Việc đầu thầu được quy định tại Chương III của dự thảo Luật đã có tính đến sự thống nhất giữa phương pháp lựa chọn và hình thức hợp đồng. Do đó không cần quy định điểm d) như Đại biểu đề nghị.	
	Có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và khả thi của hệ thống pháp luật: bổ sung phương thức sử dụng “tiền thuộc ngân sách nhà nước” để thanh toán hợp đồng BT vào Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP, bảo đảm sự nhất quán với Nghị định số 69/2019/NĐ-CP); bổ sung “Dự án BT” vào điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư	Các ý kiến đóng góp của Đại biểu tại nội dung này cho thấy hình thức hợp đồng BT đang gặp vướng mắc và đòi hỏi việc xem xét, điều chỉnh đồng bộ thì mới khác phục được các tồn tại. Cơ quan soạn thảo sẽ phối hợp với Cơ quan thẩm tra nghiên cứu những gợi ý này.	

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công và các quy định về sử dụng “tiền thuộc ngân sách nhà nước” để thanh toán hợp đồng BT vào Luật Đầu tư công để thống nhất thực hiện; bổ sung vào Điều 36, Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước quy định “Các khoản chi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)”, trong đó có hợp đồng BT. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu lại quy định tại điểm c khoản 3 Điều 40 vì quy định như dự thảo Luật được hiểu đây là dự án đầu tư công. Có ý kiến đề nghị bổ sung vào dự thảo Luật PPP và sửa đổi, bổ sung Luật Đầu thầu, Luật Đấu giá tài sản, quy định đấu thầu đồng thời dự án BT và đấu thầu (hoặc đấu giá) “quy đất, trụ sở làm việc” thanh toán dự án BT để lựa chọn đồng thời nhà đầu tư dự án BT và nhà đầu tư “dự án khác”; đơn vị trúng thầu là đơn vị có hiệu số giữa giá đấu giá tài sản, trừ đi giá bỏ thầu thực hiện dự án cao nhất. Một số ý kiến đề nghị quy định rõ trách nhiệm và minh bạch về thời hạn và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng với các nhà đầu tư PPP; đề nghị bổ sung quy định theo hướng các cơ quan, cán bộ nhà nước dù đại diện ký hay không ký hợp đồng PPP đều phải tôn trọng nội dung của Hợp đồng PPP và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng. Dự thảo Luật còn thiếu các quy định liên quan đến trách nhiệm của người quyết định chủ trương đầu tư các dự án PPP, trách nhiệm của Hội đồng thẩm định, trách nhiệm của cơ quan trực tiếp thương thảo hợp đồng trong trường hợp đưa ra các điều khoản gây thiệt hại cho Nhà nước, người dân.	Nội dung này được đề xuất căn cứ yêu cầu nghiên cứu tại Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019. Ý kiến đóng góp này của Đại biểu tập trung vào cơ chế BT, đầu thầu dự án BT. Cơ quan soạn thảo tiếp thu để nghiên cứu, đề xuất trong giai đoạn tiếp theo.
		Một số ý kiến đề nghị quy định rõ trách nhiệm và minh bạch về thời hạn và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng với các nhà đầu tư PPP; đề nghị bổ sung quy định theo hướng các cơ quan, cán bộ nhà nước dù đại diện ký hay không ký hợp đồng PPP đều phải tôn trọng nội dung của Hợp đồng PPP và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng. Dự thảo Luật còn thiếu các quy định liên quan đến trách nhiệm của người quyết định chủ trương đầu tư các dự án PPP, trách nhiệm của Hội đồng thẩm định, trách nhiệm của cơ quan trực tiếp thương thảo hợp đồng trong trường hợp đưa ra các điều khoản gây thiệt hại cho Nhà nước, người dân. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu thêm về quy định tại khoản 6 Điều 40 đối với các dự án PPP nâng cấp, cải tạo các tuyến cũ	Đối với quy định về thời hạn hợp đồng, dự kiến sửa đổi khoản 2 Điều 46 như sau: Các bên ký kết hợp đồng được điều chỉnh thời hạn hợp đồng đồng nhưng không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai. Về các trách nhiệm tương ứng, Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ nghiên cứu, tiếp thu. Đây là nội dung tuân thủ yêu cầu tại Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH14.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		được thực hiện kinh doanh thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng. 8.2. Về các nội dung khác liên quan đến ký kết hợp đồng PPP Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều 42 (Nội dung cơ bản của hợp đồng), do dự án PPP có nhiều loại hợp đồng, mỗi loại hợp đồng lại có nhiều loại khác nhau với cơ chế, phương thức thực hiện khác nhau, vì vậy cần cụ thể hóa từng loại hợp đồng để việc thực hiện được thuận lợi; đề nghị cần nhắc quy định tại khoản 8 Điều 42 và điểm a khoản 1 Điều 45 (Sửa đổi, bổ sung hợp đồng): việc sử dụng cả hai điều khoản nêu trên trong cùng một văn bản hợp đồng là chưa hợp lý, có khả năng xung đột trong việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng. Đây là những quy định quan trọng cần có hướng dẫn thi hành cụ thể để loại trừ khả năng xung đột khi áp dụng pháp luật. Có ý kiến đề nghị tại khoản 3 Điều 43 (Điều kiện ký kết hợp đồng) bổ sung cụm từ “cơ quan ký kết hợp đồng PPP” vào sau cụm từ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể những trường hợp là “các sự kiện bất khả kháng”, giải thích rõ khái niệm và định lượng cụ thể mức độ bị tác động trong trường hợp “dự án bị ảnh hưởng nghiêm trọng” quy định tại khoản 1 Điều 45 (Sửa đổi, bổ sung hợp đồng) dẫn đến việc phải xem xét sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 46 (Thời hạn hợp đồng PPP) cho phù hợp với thời hạn hợp đồng theo quy định pháp luật tối đa là 70 năm; xem xét, điều chỉnh lại thời gian hợp đồng dự án không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai năm	Chính phủ sẽ hướng dẫn chi tiết các hợp đồng tại dự thảo Nghị định, trình kèm hồ sơ Luật trong kỳ họp tới. Về khả năng xung đột khi áp dụng cả điều khoản bất khả kháng và điều khoản hoàn toàn thay đổi cơ bản, Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án phù hợp. Nghiên cứu để tiếp thu Sự kiện bất khả kháng đã được quy định tại Bộ Luật Dân sự. Đối với quy định về thời hạn hợp đồng, dự kiến sửa đổi khoản 2 Điều 46 như sau: Các bên ký kết hợp đồng được điều chỉnh thời hạn hợp đồng nhưng không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		2013; đề nghị quy định cụ thể những trường hợp trên thực tế “do hoàn cảnh vượt quá tầm kiểm soát hợp lý” tại điểm a khoản 2; đề nghị quy định tại điểm d khoản 2 theo tỷ lệ % doanh thu thực hiện vượt quá hoặc thấp hơn doanh thu kế hoạch thì sẽ được điều chỉnh thời hạn hợp đồng. Có ý kiến đề nghị tại khoản 1 Điều 47 (Chấm dứt hợp đồng PPP) cần làm rõ thế nào là làm vào tình trạng mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ, có tương ứng với quy định tại Luật Phá sản và ai là người xác định vấn đề này. Một số ý kiến đề nghị điều chỉnh Điều 50 (Luật áp dụng trong hợp đồng PPP) như sau: hợp đồng PPP và các phụ lục hợp đồng, các văn bản có liên quan khác được ký giữa cơ quan nhà nước Việt Nam với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Đối với những vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định, các bên có thể thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng PPP trên cơ sở không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; đề nghị áp dụng pháp luật nước ngoài nhưng luật nước ngoài không trái với quy định của luật Việt Nam và hệ quả áp dụng cũng không trái với quy tắc cơ bản của luật Việt Nam; đề nghị bỏ Điều này do chưa rõ ràng và trùng lặp với quy định tại Điều 3.	Nội dung này sẽ phải tuân thủ quy định của pháp luật về phá sản. Cơ quan soạn thảo tiếp thu nội dung này.
9.	Về triển khai thực hiện dự án (Chương V)	Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật mới quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế tại Điều 53 nhưng chưa quy định về công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán công trình, vì vậy đề nghị xem xét bổ sung nội dung này để bảo đảm giá trị công trình được quyết toán phù hợp với quy định của Luật Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư, do chi phí đầu tư là cơ sở xác định thời gian thu phí ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và người dân tham gia các dịch vụ của dự án.	Do dự án PPP thực hiện theo cách tiếp cận đầu ra, khác với cách tiếp cận đầu vào đang được áp dụng tại các dự án đầu tư công. Theo đó, nếu đầu tư công quan tâm đến dự toán, phê duyệt dự toán để yêu cầu nhà thầu làm theo đúng những phương án đã được vạch ra sẵn thì đầu tư PPP chỉ quan tâm đến tổng chi phí (có thể thể hiện bằng chỉ tiêu giá dịch vụ, phần vốn mà nhà đầu tư chào để nhà nước cùng

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Có ý kiến đề nghị thay cụm từ “phải sử dụng” bằng cụm từ “ưu tiên sử dụng” tại khoản 2 Điều 54 (Lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án) nhằm tránh phân biệt đối xử giữa nhà thầu trong nước với nhà thầu nước ngoài; đề nghị xem lại quy định tại khoản 3 vì trái nguyên tắc thị trường và vi phạm pháp luật về cạnh tranh.	tham gia, ...) và kết quả cung ứng dịch vụ theo các tiêu chuẩn chất lượng. Đây là lựa chọn chính sách cần thiết được nhiều nước trên thế giới áp dụng để đảm bảo công ăn việc làm cho doanh nghiệp và người lao động, đồng thời đảm bảo an ninh trong nhiều trường hợp, tránh đưa lao động cấp độ thấp một cách ồ ạt vào nước ta. Chính sách tại khoản 2 Điều 54 dự thảo Luật này nhằm phát huy nội lực tối đa của các nhà thầu trong nước; không mang ý nghĩa phân biệt đối xử nhà thầu trong nước và nước ngoài.
		Có ý kiến đề nghị điều chỉnh Điều 55 (Giám sát thực hiện hợp đồng trong giai đoạn đầu tư xây dựng) theo hướng nhà đầu tư tổ chức giám sát nội bộ và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, dịch vụ của dự án; cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn bảo đảm năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật để tổ chức giám sát chất lượng công trình, dự án PPP.	Điều 55 dự thảo Luật hiện nay đã phù hợp với ý kiến của ĐBQH
		Có ý kiến cho rằng, quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 56 (Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng) là một điểm mới và tiến bộ để tạo tính chủ động và khuyến khích nhà đầu tư tiết kiệm, sáng tạo, tuy nhiên nếu chưa bảo đảm có được cơ chế cạnh tranh lành mạnh để thật sự lựa chọn được nhà thầu có năng lực và tối ưu nhất thì việc chấp nhận hoàn toàn giá trị hợp đồng, không thực hiện quyết toán lại phần giá trị thực hiện sẽ tiềm ẩn những rủi ro lớn về thất thoát nguồn lực. Do đó, đề nghị cân nhắc cần thiết duy trì việc kiểm soát ở cả khâu tiền kiểm và hậu kiểm. Có ý kiến đề nghị bỏ nội dung quyết toán giá trị công trình đối với dự án sử dụng vốn nhà đầu tư tư nhân quy định tại Điều 56, cơ quan nhà nước có thẩm	Cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu đề tiếp thu nội dung này. Dự án PPP tạo môi trường nhà đầu tư được sáng tạo trong thiết kế kỹ thuật (trên cơ sở thiết kế cơ sở được phê duyệt tại Báo cáo nghiên cứu khả thi), do đó việc kiểm soát, quản lý dự toán, chi phí như một dự án đầu tư công là không phù hợp.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quyền nên tập trung vào việc giám sát chất lượng công trình và sự tuân thủ của nhà đầu tư đối với các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng PPP. Có ý kiến đề nghị giải trình rõ hơn về nội dung quy định tại khoản 3 Điều 61 (Giám sát thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh) vì phụ thuộc lớn vào năng lực chủ quan của cán bộ trong các khâu chuẩn bị dự án; đề nghị quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn thực hiện luật hoặc quy định những nội dung tối thiểu cần có trong hợp đồng để các đơn vị chuẩn bị dự án đầu tư tham khảo.	Việc giám sát trong giai đoạn vận hành cần căn cứ theo các quy định, tiêu chuẩn, phương thức được nêu cụ thể tại hợp đồng (sẽ có mẫu do từng cơ quan Bộ hướng dẫn cho ngành của mình).
10	Về nguồn vốn thực hiện dự án PPP (Chương VI)	Một số ý kiến nhất trí việc phân tách hạng mục sử dụng vốn đầu tư công và hạng mục sử dụng vốn đầu tư tư nhân nhằm tạo thuận lợi cho công tác quản lý hậu kiểm, tránh lạm dụng, lách luật theo PPP để bỏ qua các thủ tục nghiêm ngặt của Luật Đầu tư công; quy định tại điểm b khoản 5 Điều 65 (Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng) không phù hợp với Luật Đầu tư công và xung đột với nguyên tắc quản lý dự án PPP, đồng thời gây vướng mắc cho công tác hậu kiểm; đề nghị quy định cụ thể tỷ lệ tối đa phần vốn nhà nước theo loại hợp đồng và tổng mức đầu tư; quy định hạn mức vốn nhà nước hỗ trợ dự án; vốn nhà nước nên ưu tiên cho công tác chuẩn bị đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng và hỗ trợ đầu tư khác; làm rõ Nhà nước đóng góp bằng ngân sách hay tài sản khác, nếu là tài sản khác phải tính bằng giá trị theo cơ chế thị trường; Nhà nước chỉ nên hỗ trợ đất đai, chứ không sử dụng vốn đầu tư công; chưa có cơ sở pháp lý để định giá tài sản nhà nước góp vốn vào dự án PPP cũng như việc xác định tính pháp lý của các nguồn vốn khác; đề nghị rà soát quy định về quyết toán vốn đầu tư công phù hợp với quy định tại Luật Xây dựng; đề nghị bổ sung cơ chế đặc thù để các địa phương có thể tận dụng nguồn lực công.	Đa số ĐBQH nhất trí việc phân tách hạng mục sử dụng vốn đầu tư công và hạng mục sử dụng vốn đầu tư tư nhân nhằm tạo thuận lợi cho công tác quản lý hậu kiểm, tránh lạm dụng, lách luật theo PPP để bỏ qua các thủ tục nghiêm ngặt của Luật Đầu tư công.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Có ý kiến cho rằng, cần bổ sung quy định tại Điều 66 (Vốn nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc dự án PPP) về việc Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được sử dụng trong hợp đồng BTL, BLT để thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP trên cơ sở mức độ đáp ứng các yêu cầu của hợp đồng nhưng không cao hơn giá bình quân của sản phẩm, dịch vụ cùng loại trên thị trường, tại thời điểm thanh toán.	Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ trao đổi kỹ lưỡng nội dung này để phản ánh trong lần trình tới.
		Một số ý kiến nhất trí về cơ chế quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP, không hình thành quỹ riêng mà bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, như vậy các dự án sẽ nằm trong tổng thể kế hoạch đầu tư của quốc gia và sẽ có điều kiện để bảo đảm các cần đối lớn của nền kinh tế; đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng sử dụng một nguồn vốn riêng trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn để bố trí cho dự án PPP phát sinh, bảo đảm khả năng thanh toán vì quy định như tại điểm c khoản 2 Điều 69 (Cơ chế lập kế hoạch vốn đầu tư công đối với dự án PPP) sử dụng nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn sẽ ảnh hưởng đến độ thanh toán do dự phòng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn không được sử dụng ngay.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến đóng góp về việc phải đảm bảo cần đối chung, tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp sử dụng nguồn này.
		Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định rõ các điều kiện đối với trường hợp quản lý vốn hỗn hợp (vốn đầu tư công và vốn đầu tư tư nhân), tránh khó khăn trong quá trình giải ngân phần vốn nhà nước, bảo đảm quy trình giám sát, nghiệm thu, thực hiện thanh tra, kiểm tra vì khó tách bạch được vốn đầu tư; việc quyết toán dự án PPP thực hiện tương tự như quyết toán các dự án có nguồn vốn từ ngân sách sẽ hạn chế tính chủ động của nhà đầu tư trong quá trình xây dựng, khai thác, vận hành, cung cấp dịch vụ công.	Đầu tư PPP hướng tới việc có được đầu ra là chất lượng dịch vụ mong muốn hơn là chỉ hình thành tài sản kết cấu hạ tầng. Do đó các nội dung quy định xoay quanh định hướng này.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Một số ý kiến đề nghị cần làm rõ cơ chế góp vốn, cơ chế chịu trách nhiệm liên quan của doanh nghiệp tham gia đầu thầu và doanh nghiệp dự án PPP sau khi trúng thầu. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có được quyền sử dụng dự án PPP để thế chấp vay vốn hoặc có thể góp vốn bằng các loại tài sản khác ngoài tiền như quy định tại dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) hay không; đề nghị quy định cụ thể về nguồn vốn hợp pháp khác quy định tại khoản 1 Điều 71 (Thu xếp tài chính thực hiện dự án) và bổ sung quy định về lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư; đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 71 theo hướng: (i) đối với phần vốn chủ sở hữu doanh nghiệp dự án: nên thống nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp dự án phải thực hiện góp vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Doanh nghiệp năm 2014 đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên và khoản 1 Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2014 đối với công ty cổ phần; (ii) đối với phần vốn khác ngoài vốn chủ sở hữu: nhà đầu tư, liên danh nhà đầu tư phải chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm khi tham gia sơ tuyển, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án, trong đó vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp dự án không thấp hơn 15%, phần còn lại có chứng thư cam kết của ngân hàng; đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 71 như sau: “Hình thức xử lý trong trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP không thu xếp được tài chính theo thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì dự án phải được thu hồi. Việc xử lý các vấn đề có liên quan thực hiện theo quy định tại hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và hợp đồng PPP đã ký kết”.	Đối với nội dung mức trần tỷ lệ vốn nhà nước, các quy định trong giai đoạn trước đã áp dụng: Nghị định 108/2009/NĐ-CP (49% tổng mức đầu tư), Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg (30% tổng mức đầu tư). Tuy nhiên qua kết quả rà soát, tổng kết tình hình thực hiện Nghị định 108/2009/NĐ-CP, có ý kiến cho rằng các dự án BOT, BTO, BT trong lĩnh vực giao thông vận tải hầu hết có kinh phí đầu tư lớn, do đó việc không chế mức vốn nhà nước tham gia dự án không vượt quá 49% tổng mức đầu tư sẽ khó kêu gọi đầu tư. Vì vậy, các văn bản pháp lý tiếp theo là Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP đã gỡ bỏ mức trần này, mức vốn nhà nước được xác định theo từng dự án căn cứ phương án tài chính.
		Một số ý kiến đề nghị góp khoản 3 vào khoản 1 Điều 72 (Góp vốn chủ sở hữu) để bảo đảm ngắn gọn, đủ ý và tránh gây mâu thuẫn. Cụ thể, tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không được thấp hơn 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm	Về vốn nhà đầu tư:

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vốn nhà nước quy định tại Điều 65 và Điều 67 của Luật này; đề nghị nâng tỷ lệ vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư dự án. Nếu liên danh chủ đầu tư thì vốn chủ sở hữu của mỗi bên tham gia liên danh không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án. Ý kiến khác đề nghị không quy định mức 15% cho tất cả dự án mà nghiên cứu quy định khung tỷ lệ vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tương ứng với quy mô tổng mức đầu tư dự án; quy định định mức vốn chủ sở hữu phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng nhóm dự án; đề nghị làm rõ những loại vốn đầu tư ngoài tiền theo quy định tại dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) (bổ sung khái niệm vốn đầu tư bao gồm tiền và các tài sản khác, trong đó có cả các khoản nợ, các hình thức vay nợ, quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu thương mại,...) có được dùng làm vốn góp cho dự án PPP hay không; đề nghị quy định theo hướng nếu tổng vốn đầu tư đến 1.500 tỷ thì tỷ lệ vốn chủ sở hữu không thấp hơn 20%, đối với dự án trên 1.500 tỷ thì áp dụng phương pháp lũy tiến từng phần trên 1.500 tỷ là 10% (theo quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP); đề nghị tại khoản 1 thay cụm từ “nhà đầu tư” bằng “doanh nghiệp dự án”.	- Các quy định về năng lực nhà đầu tư sẽ được quy định tại Chương lựa chọn nhà đầu tư và chi tiết hơn tại NĐ của CP về lựa chọn nhà đầu tư - Việc Doanh nghiệp dự án phải góp vốn theo tiến độ quy định tại Luật Doanh nghiệp (90 ngày) là một bất cập đã được nhiều nhà đầu tư, doanh nghiệp phản ánh do quy định này không phù hợp đặc thù dự án PPP, gây ứ đọng vốn, lãng phí nguồn lực. - Tỷ lệ vốn chủ sở hữu 15% đã được tổng kết từ kinh nghiệm quốc tế.
11	Về ưu đãi và bảo đảm đầu tư (Chương VII)	11.1. Về ưu đãi đầu tư (Điều 74) - Có ý kiến cho rằng, quy định còn chung chung sẽ không có tính khả thi khi Luật này có hiệu lực, còn phải chờ sửa đổi cụ thể hóa ở nhiều luật chuyên ngành sẽ ban hành sau, đề nghị theo hai cách: (i) quy định rõ thời hạn Chính phủ trình Quốc hội xem xét, sửa đổi bổ sung các ưu đãi đầu tư dưới hình thức một luật bổ sung các ưu đãi đầu tư của các luật chuyên ngành hoặc Quốc hội ban hành một nghị quyết về ưu đãi đầu tư; (ii) trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh Quốc hội yêu cầu các dự án luật có quy định ưu đãi đầu tư liên quan đến các	Về ưu đãi đầu tư (Điều 74): Dự án PPP không được hưởng các ưu đãi đặc thù nào khác ngoài các ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất và các ưu đãi khác đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật liên quan. Các ưu đãi trong đầu thầu được quy định tại Chương III về Lựa chọn nhà đầu tư.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		luật chuyên ngành khác mà không thể quy định ở dự thảo luật trình Quốc hội xem xét thì cần trình Quốc hội dự thảo luật chính và kèm theo một dự thảo luật phụ bổ sung các ưu đãi đầu tư để xem xét quyết định ban hành cùng thời điểm. Theo hai cách trên, cách thứ hai có ưu điểm vượt trội hơn cách thứ nhất. - Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại Điều 74 theo hướng: “Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi có báo cáo nghiên cứu khả thi được Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt”.	
		11.2. Về bảo đảm đầu tư (Điều 75) - Một số ý kiến đề nghị những biện pháp bảo đảm đầu tư cụ thể thì quy định trực tiếp trong hợp đồng PPP; đề nghị bổ sung các quy định để phòng ngừa và quản lý rủi ro khi Nhà nước cam kết bảo đảm đầu tư và chỉ giới hạn đối với đối tượng trong phạm vi các dự án lớn, có tính lan tỏa thuộc những ngành nghề mà Nhà nước đặc biệt khuyến khích đầu tư, nhằm tránh tràn lan, ý lại vào bảo lãnh của Chính phủ cũng như bảo đảm an toàn nợ công, ổn định kinh tế vĩ mô; kiến nghị khoản 3 Điều 75 bổ sung quy định đối với một số dự án trọng điểm thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ thì xây dựng cơ chế cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài có thể nhận thế chấp quyền sử dụng đất đối với tài sản là bất động sản của các dự án PPP. Ví dụ, quy định Thủ tướng có thẩm quyền quyết định dự án được thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài muốn nhận thế chấp bất động sản thuộc dự án PPP phải xin phép Ngân hàng nhà nước hoặc việc tổ chức xử lý tài sản thế chấp chỉ được thực hiện thông qua cơ chế ủy thác đối với tổ chức tín dụng trong nước. Đồng thời, cần lưu ý sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan, như sửa đổi, bổ sung Điều 174 Luật Đất đai cho phép việc thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam hoặc các tổ chức tín dụng ở nước ngoài trong thời hạn sử dụng đất, nhưng khi xảy ra tranh chấp thì phải được xử lý theo pháp luật Việt Nam, bảo đảm chủ quyền quốc gia.	Về bảo đảm đầu tư (Điều 75): Các quy định về bảo đảm đầu tư là nội dung tiếp thu các quy định hiện hành. Việc về phòng ngừa, quản lý rủi ro: Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính để xác định rõ cơ chế, cách quản lý rủi ro tại cả cấp độ dự án và cấp độ ngân sách nói chung. Việc thế chấp đất tại tổ chức tín dụng phải tuân thủ pháp luật về đất đai.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		11.3. Về bảo đảm của Chính phủ đối với dự án PPP quan trọng (Điều 76) - Một số ý kiến phải quy định rõ ràng, cụ thể về dự án, công trình, quy mô được Chính phủ bảo đảm; đề nghị quy định rõ hơn về hạn mức đảm bảo ngoại tệ; bản khoản về tính khả thi quy định về mức bảo lãnh cân đối ngoại tệ là 30% doanh thu của dự án bằng tiền Việt Nam sau khi trừ số chi tiêu bằng đồng Việt Nam, cho rằng mức bảo lãnh 30% là quá cao, cần làm rõ cơ sở để đưa ra con số 30%. - Một số ý kiến cho rằng phải tính toán nguồn rõ ràng để bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước; nên bảo đảm cho an sinh xã hội thay vì bảo đảm cho phát triển kinh tế. - Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về bảo đảm đầu tư khi có sự thay đổi của pháp luật với nguyên tắc: văn bản pháp luật mới được ban hành có quyền lợi ưu đãi cao hơn thì nhà đầu tư được áp dụng văn bản mới, nếu ảnh hưởng bất lợi thì sẽ được áp dụng văn bản pháp luật trước đó.	- Theo dự thảo Luật, chỉ một số dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ mới đủ điều kiện để xem xét, áp dụng bảo đảm cân đối ngoại tệ. Căn cứ chính sách quản lý ngoại hối, khả năng cân đối ngoại tệ trong từng thời kỳ, Chính phủ mới quyết định việc áp dụng hạn mức bao nhiêu cho các dự án đủ điều kiện. Hạn mức này không quá 30% doanh thu của dự án bằng tiền đồng Việt Nam sau khi trừ số chi tiêu bằng đồng Việt Nam. Cơ chế bảo đảm cân đối ngoại tệ này đã được áp dụng trước đây cho một số dự án nhiệt điện, hạn mức tối đa 30% đã được áp dụng cho các dự án này theo văn bản số 1604/Ttg-KTN của Thủ tướng Chính phủ đối với một số nội dung chủ yếu trong Hợp đồng BOT và Bảo lãnh Chính phủ đối với các Dự án nhà máy nhiệt điện đầu tư theo hình thức BOT. - Về bản chất, các dự án PPP là dự án phục vụ mục đích công, nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho người dân; vì vậy bản thân dự án PPP đã có ý nghĩa trong việc bảo đảm an sinh xã hội. Các cơ chế bảo lãnh được đề xuất trong Luật chủ yếu là các biện pháp thu hút đầu tư, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư khi đầu tư vào Việt Nam nói chung và các dự án cơ sở hạ tầng nói riêng. - Nhà đầu tư PPP được áp dụng các bảo đảm đầu tư khác theo pháp luật về đầu tư, trong đó Luật Đầu tư (Điều 13) đã quy định Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án. Theo đó, nhà đầu tư PPP được áp dụng chính sách bảo đảm đầu tư này.
		11.4. Về cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu (Điều 77) - Đa số ý kiến nhất trí về tính cần thiết của cơ chế chia sẻ rủi ro, tuy nhiên đề nghị phải quy định chặt chẽ, cần nhắc kỹ cơ chế chia sẻ rủi ro, làm rõ điều kiện, phạm vi, đối tượng, các	Về cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu, Chính phủ sẽ tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội để quy định cụ thể, chặt chẽ hơn, trong đó bao gồm: (i) làm rõ đối tượng áp dụng; Dự án thuộc thẩm quyền

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trường hợp được áp dụng và giới hạn Chính phủ cam kết chia sẻ rủi ro. - Một số ý kiến cho rằng, chỉ nên áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu đối với một số dự án trọng điểm thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; đề nghị cân nhắc thận trọng, không nên áp dụng cho tất cả các dự án mà Nhà nước bảo lãnh quy định tại khoản 2, chỉ nên tập trung những dự án có quy mô lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài, chịu sự tác động rủi ro từ khách quan lớn như giao thông và một số lĩnh vực khác. - Một số ý kiến đề nghị quy định cơ chế này đối với tất cả các dự án PPP, kể cả dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của các Bộ, ngành và địa phương để bảo đảm công bằng giữa các nhà đầu tư cũng như tránh bỏ lọt các dự án quan trọng và cấp thiết thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan khác ngoài Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ. - Có ý kiến đề nghị quy định hạn mức 50%; có ý kiến đề nghị không xác định tỷ lệ 50% mà chọn tỷ lệ chia sẻ rủi ro theo tỷ lệ cơ cấu góp vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và vốn nhà nước trong dự án, đồng thời chiếm rủi ro là 50-50 đối với phần vốn huy động hợp pháp khác. Ý kiến khác cho rằng, quy định tỷ lệ 50-50 chưa thể hiện được cơ chế khuyến khích đầu tư và có thể dẫn đến việc phát sinh thêm thủ tục hành chính trong cơ chế chia sẻ rủi ro; đề nghị bổ sung quy định “vượt trên 30% doanh thu” tại điểm a và “thấp hơn 30% doanh thu” tại điểm b khoản 1. - Một số ý kiến không nhất trí về cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP thực hiện thông qua đấu thầu, việc kinh doanh của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP phải tuân thủ nguyên tắc thị trường; đề nghị	quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; không sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng; (ii) Bổ sung một số điều kiện thực hiện cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu; (iii) Bổ sung trường hợp được áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu: Khi doanh thu thực tế bị ảnh hưởng bởi lỗi của phía Nhà nước (ví dụ: điều chỉnh quy hoạch, thay đổi chính sách pháp luật).

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phải cân nhắc kỹ, tính toán đến ngân sách nhà nước, những biện pháp ứng phó khi rủi ro xảy ra, tránh để ảnh hưởng tới ngân sách, tăng gánh nặng cho nợ công. - Một số ý kiến đề nghị Luật quy định cụ thể nguồn kinh phí Nhà nước sử dụng để chia sẻ rủi ro và các trình tự, thủ tục sử dụng nguồn này; đề nghị hình thành dòng ngân sách riêng để thực hiện cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu, bởi việc hình thành quỹ trong bối cảnh hiện nay là rất khó khả thi và hạn chế bởi Luật Ngân sách nhà nước; đề nghị bỏ sung quy định về phân chia rủi ro đối với các dự án do Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư để thống nhất thực hiện theo hướng không dùng ngân sách nhà nước để chia sẻ rủi ro với nhà đầu tư. - Có ý kiến đề nghị nguyên tắc chia sẻ phải công bằng, để chấp nhận nghĩa là hút thu chia sẻ bao nhiêu phần trăm thì tăng thu cũng chia sẻ bấy nhiêu phần trăm; tỷ lệ chia sẻ phải quy định mức cụ thể để bảo đảm tính công khai, minh bạch. Mỗi lĩnh vực đầu tư khác nhau có thể quy định mức chia sẻ khác nhau. - Một số ý kiến cho rằng, cần cứ để xây dựng cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu giữa Chính phủ và nhà đầu tư phải trên cơ sở đánh giá các yếu tố khách quan và chủ quan tác động ảnh hưởng đến tăng, giảm thu của dự án. Nếu cơ quan có thẩm quyền sau khi xác định rủi ro từ các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 45 (Sửa đổi, bổ sung hợp đồng PPP) và điểm a, b, c khoản 2 Điều 46 (Thời hạn hợp đồng PPP) hay các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng chưa lường trước được trong hợp đồng PPP hoặc rủi ro từ nguyên nhân chủ quan do cơ quan nhà nước thay đổi về quy hoạch, pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ, chậm tiến độ bố trí vốn đầu tư của Nhà nước, vi phạm cam kết thực hiện trách	

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư trong hợp đồng PPP mà gây tổn hại đến lợi ích của nhà đầu tư, doanh thu thực tế thấp hơn doanh thu trong phương án tài chính của hợp đồng thì phải xem xét việc điều chỉnh tăng mức giá, phí dịch vụ, gia hạn thời gian hợp đồng, bồi hoàn cho nhà đầu tư hoặc chia sẻ mức hụt doanh thu, thậm chí phải chia sẻ tới đa mức hụt doanh thu của dự án; chỉ áp dụng ở mức doanh thu chênh lệch thấp hơn doanh thu tính toán ở một tỷ lệ nhất định và cần xác định rõ thời điểm, giai đoạn cấp bù, cách tính và thời giá; chỉ bảo đảm đối với dự án phục vụ cho an sinh xã hội; không áp dụng đối với trường hợp do nguyên nhân chủ quan, năng lực yếu kém của nhà đầu tư; đề nghị việc quy định điều chỉnh mức giá hoặc rút ngắn thời gian hợp đồng PPP quy định tại khoản 1 phải chặt chẽ, cân nhắc và quy định rõ về nguyên tắc, điều kiện cụ thể để tránh lạm dụng khi thực hiện. Đối với trường hợp doanh thu của dự án tăng vượt qua doanh thu trong phương án tài chính của hợp đồng, nếu tăng do các yếu tố khách quan từ nhu cầu của thị trường, sự phát triển kinh tế - xã hội thì cơ chế chia sẻ hợp lý thể hiện rõ chính sách, công cụ đòn bẩy kinh tế của Nhà nước đủ mạnh để phát triển phương thức đầu tư này, Chính phủ cân nhắc không nên chia sẻ phần tăng thu này mà có thể điều chỉnh giảm mức giá, phí dịch vụ, rút ngắn thời hạn hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư sai sót, vi phạm hoặc chỉ phối trái pháp luật để hưởng lợi thì phải có cơ chế thay đổi hợp đồng, bảo đảm lợi ích của Nhà nước và người dân; đề nghị quy định chế tài xử phạt đối với vi phạm trong thực hiện các quy định về chia sẻ rủi ro. - Một số ý kiến đề nghị loại bỏ quy định tại mục d khoản 2 Điều 46 (Thời hạn hợp đồng PPP) ra khỏi điều kiện thực hiện	

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cơ chế chia sẻ rủi ro vì nội hàm của quy định này không phải là nguyên nhân dẫn đến biến động về doanh thu. - Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật chưa đưa ra những căn cứ, tiêu chí, phương pháp xác định doanh thu và xác định rủi ro một cách chính xác, bảo đảm công khai, minh bạch và bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư; chưa xác định cơ quan nào có trách nhiệm xác định rủi ro. Hiện nay, theo dự thảo Luật thì Kiểm toán nhà nước chỉ kiểm toán phần vốn đầu tư công mà không phải là kiểm toán toàn bộ dự án; quy định này tạo ra bất cập, bởi vì không thể xác định toàn bộ rủi ro của dự án nếu như chỉ kiểm toán một phần vốn của dự án. Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ là thẩm định cơ chế áp dụng, cần xác định Bộ Tài chính có phải là cơ quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực trong việc xác định thực chất của rủi ro hay không? - Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung thẩm quyền quyết định việc áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro là cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.	
12	Về kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, kiểm toán nhà nước và giám sát hoạt động đầu tư theo phương thức PPP (Chương VIII)	- Một số ý kiến đề nghị quy định Kiểm toán nhà nước kiểm toán toàn bộ dự án PPP mà không giới hạn trong phạm vi phần vốn góp của Nhà nước vào dự án được quy định tại Điều 65 và Điều 67 của dự thảo Luật nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý và cung cấp dịch vụ công của Nhà nước với người dân và xã hội trong việc xác định giá, phí dịch vụ mà nhà đầu tư PPP thu từ người sử dụng; khi kiểm toán các yếu tố cấu thành chi phí đầu tư liên quan đến mức giá, phí sẽ gồm cả vốn và tài sản do doanh nghiệp đầu tư, do đó cần kiểm toán các nội dung thuộc về vốn và tài sản của nhà đầu tư, không chỉ riêng đối với phần tài chính công; tài sản công; đề nghị Thanh tra Nhà nước các cấp, Thanh tra Chính phủ và	Đề bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và Luật Kiểm toán Nhà nước, cũng như phù hợp tính chất dự án PPP, Cơ quan soạn thảo báo cáo Chính phủ về dự kiến bổ sung trách nhiệm của Kiểm toán Nhà nước trong dự án PPP, cụ thể như sau: - Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ theo pháp luật về kiểm toán nhà nước đối với việc sử dụng tài chính công, tài sản công trong dự án PPP - Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán hoạt động theo pháp luật về kiểm toán nhà nước để đánh

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Kiểm toán nhà nước có quyền thanh tra, kiểm toán hoạt động đầu tư theo phương thức PPP. - Có ý kiến cho rằng, theo quy định tại dự thảo Luật thi Kiểm toán nhà nước chỉ thực hiện kiểm toán đối với phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, bởi thường, hỗ trợ tái định cư, còn lại toàn bộ giá trị xây lắp và phương án tài chính thu phí thì Kiểm toán nhà nước không được kiểm toán. Vậy, cơ quan nào sẽ giúp Quốc hội kiểm soát vấn đề này, đề nghị giải thích thêm; đề nghị sửa đổi Điều 80 (Hoạt động Kiểm toán nhà nước trong đầu tư theo phương thức PPP) như sau: “Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán dự án PPP và báo cáo, công khai kết quả kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước”.	giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả của dự án PPP trên cơ sở các yếu tố đầu ra (chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ của dự án). - Hiến pháp và pháp luật về Kiểm toán Nhà nước xác định phạm vi là các nội dung tài chính công, tài sản công, trong trường hợp này là phần vốn nhà nước thực hiện trong dự án PPP. Với quan điểm phải tạo môi trường đầu tư PPP thuận lợi và có thể so sánh tương đối với các lĩnh vực đầu tư khác thì phần vốn của khu vực nhân bản bỏ ra để đầu tư vào dự án PPP cần phải được xác định là không thuộc đối tượng của kiểm toán nhà nước (tương tự các hoạt động bỏ vốn đầu tư kinh doanh tại thị trường). Việc kiểm soát về mặt chi phí của dịch vụ mà dự án cung cấp đã được thực hiện qua các bước của quy trình thực hiện dự án, từ việc xác định tổng mức đầu tư đến đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Thực chất, đấu thầu là khâu quan trọng phát huy cơ chế cạnh tranh của thị trường để xác định nhà đầu tư có dự án mang lại hiệu quả cao nhất. Như vậy, trong PPP, tương tự như trong các lĩnh vực kinh doanh khác, nhà đầu tư được tự do phát huy khả năng về kỹ thuật về quản lý của mình để hiện thực hoá đề xuất của mình (đã được đánh giá là có hiệu quả cao nhất), không áp dụng kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ đối với phần vốn đầu tư mà khối tư nhân bỏ ra. Khâu còn lại là kiểm soát dịch vụ mà nhà đầu tư cung cấp theo dự án – mục đích quan trọng nhất của việc đầu tư PPP. Với nội dung này, việc áp dụng kiểm toán tuân thủ là phù hợp. Do

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định cụ thể tại Điều 83 (Trách nhiệm giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP) các nội dung về cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm giám sát, trách nhiệm báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.	Ý kiến này sẽ được trao đổi cụ thể hơn giữa Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra.
		Một số ý kiến đề nghị không quy định thanh tra, kiểm toán lại Luật này; đề nghị không kiểm toán nhà nước đối với phần vốn của nhà đầu tư tư nhân.	Ý kiến này đã được giải trình tại phần trên.
		Một số ý kiến cho rằng, ngoài cơ chế kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan nhà nước cần có cơ chế kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát độc lập từ bên ngoài từ khâu dự toán đến quyết toán để xử lý vi phạm và phân chia chính xác lợi ích chi phí của nhà đầu tư, Nhà nước, người dân; đề nghị quy định cụ thể cơ quan giám sát dự án, trách nhiệm giám sát thi công; thanh tra, kiểm toán nên thực hiện công tác này trước khi ký kết hợp đồng; đề nghị quy định trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát xuyên suốt, đồng bộ từ đầu đến cuối để các cơ quan này phát huy hết vai trò của mình.	Khâu cho ý kiến và tiếp thu ý kiến của đối tượng chịu tác động của dự án được quy định tại khoản 1 Điều 21 dự thảo Luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến Đại biểu, Cơ quan soạn thảo sẽ thể hiện rõ nét hơn nội dung này. Các nội dung kiểm tra, thanh tra, giám sát được quy định tại Chương VIII của Luật. Quy định về việc giám sát trong quá trình xây dựng được thể hiện tại Điều 55 dự thảo Luật. Quy định về giám sát tại giai đoạn vận hành được thể hiện tại Điều 61 dự thảo Luật. Nội dung đáp ứng yêu cầu về sự hài hoà về mặt lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân được thể hiện xuyên suốt trong các nội dung luật.
		Một số ý kiến đề nghị quy định rõ trách nhiệm giám sát của cơ quan quản lý nhà nước và quyền giám sát của cộng đồng dân cư; việc thực hiện giám sát của cộng đồng thông qua Mặt trận Tổ quốc làm thu hẹp phạm vi, nội dung, hình thức giám sát; bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm của nhà đầu tư với chính quyền địa phương trong phối hợp công khai, tuyên truyền, tạo sự thống nhất với nhân dân về dự án, trong việc	Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục làm việc với Mặt trận Tổ quốc về nội dung này.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		kiểm tra, giám sát, nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình phục vụ các kỳ thanh toán và quyết toán công trình; đề nghị có cơ chế giám sát, đặc biệt là cơ chế giám sát về doanh thu của nhà đầu tư; đề nghị bổ sung chủ thể và nội dung giám sát của các cơ quan dân cử (giám sát của Quốc hội, HĐND các cấp).	
III	Các nội dung khác của dự án		
1.	Nguyên tắc quản lý đầu tư theo phương thức PPP (Điều 8)	Đề nghị bổ sung nguyên tắc “cạnh tranh”; đề nghị thay cụm từ “pháp luật về quy hoạch” bằng cụm từ “Luật Quy hoạch” tại khoản 1; bổ sung cụm từ “cạnh tranh công bằng” vào cuối khoản 4; bổ sung cụm từ “doanh nghiệp dự án” sau cụm từ “nhà đầu tư” tại khoản 5.	Các nội dung này sẽ được xem xét, cân nhắc trong toàn bộ nội dung dự thảo Luật.
2.	Công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP (Điều 10)	Đề nghị bổ sung tại Điều 10 hoặc bổ sung tại mục 3 Chương VII (Giám sát của cộng đồng) quy định về việc lấy ý kiến trước khi quyết định chủ trương và ký kết hợp đồng PPP, cụ thể bổ sung một số khoản như sau: “Cơ quan trình hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải lấy ý kiến cộng đồng bằng hình thức đăng tải thông tin về dự án và cách thức tiếp nhận ý kiến đóng góp trên công thông tin điện tử của mình ít nhất 60 ngày trước khi trình cấp có thẩm quyền hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Đối với các dự án có nguồn thu trực tiếp từ người sử dụng thì cơ quan trình hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải gửi văn bản lấy ý kiến đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp hoặc các tổ chức đại diện của họ. Nội dung thông tin cung cấp khi lấy ý kiến phải bao gồm thông tin cơ bản về dự án, những lợi ích mang lại cho người sử dụng, mức phí hoặc giá dự kiến sẽ thu khi dự án hoạt động (nếu có), thời gian thu, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, dự thảo hợp đồng... Các ý kiến đóng góp cho dự	- Về việc lấy ý kiến cộng đồng, dự thảo Luật (khoản 1 Điều 21) đã có nội dung này. Gợi ý của Đại biểu về nội dung, phương thức lấy ý kiến sẽ được Cơ quan soạn thảo tiếp thu và quy định tại dự thảo Nghị định hướng dẫn. - Các nội dung phải công khai, công bố sẽ được tiếp thu tối đa.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐƠN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		án phải được tổng hợp giải trình và gửi kèm cho cơ quan chính quyền địa phương hoặc người có thẩm quyền ký hợp đồng” “Công khai kết quả tiếp thu, khắc phục cụ thể những vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan có thẩm quyền”. Đề nghị bổ sung các nội dung thông tin phải công bố để bảo đảm quyền giám sát của người dân, gồm công khai các hợp đồng PPP và cả phụ lục, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước, tài sản trí tuệ. Công khai các báo cáo thẩm định dự án, công khai các báo cáo hoạt động của dự án, công bố định kỳ sản lượng, doanh thu của các dự án thu tiền trực tiếp từ người sử dụng. Đề nghị bỏ cụm từ “nếu có” tại điểm c khoản 1; bổ sung quy định tại khoản 2 theo hướng công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan ký kết hợp đồng PPP.	
3.	Các hành vi bị cấm trong đầu tư theo phương thức PPP (Điều 11)	Quy định về các hành vi bị cấm và chế tài xử lý vi phạm cần phù hợp với Bộ luật Dân sự, Luật Đầu thầu; đề nghị bổ sung khoản 1 như sau: “Đưa, nhận, môi giới hối lộ trong hoạt động đầu tư dự án PPP”; quy định cụ thể về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ, làm rõ các hành vi bị cấm trong chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ tại khoản 13; bổ sung các hành vi: “sử dụng nguồn vốn đầu tư không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật”; “cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát không kết luận hoặc kết luận không đầy đủ những hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật khác có liên quan”.	Nội dung này Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội để tiếp thu tối đa
4.	Quy trình thực hiện dự án đầu tư	Đề nghị tại khoản 2 về quy trình thực hiện dự án PPP ứng dụng công nghệ cao, cần làm rõ trường hợp sau khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho thấy năng lực nhà thầu không đáp ứng	Thủ tục đối với dự án công nghệ cao áp dụng đối với cả hai trường hợp là phía cơ quan nhà nước chuẩn bị dự án và nhà đầu tư đề xuất dự án. Khi nhà

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	theo phương thức PPP (Điều 12)	thì xử lý như thế nào, nếu không sẽ dẫn đến rủi ro, lãng phí về thời gian, nguồn lực; đề nghị bổ sung tại khoản 4 về nội dung vốn nhà nước thanh toán cho công tác giám sát chất lượng công trình như quy định tại Điều 5 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.	đầu tư đề xuất dự án thì tự chịu chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) không được chấp thuận (khoản 3 Điều 27 dự thảo Luật). Trong giai đoạn tiếp theo, ý kiến của Đại biểu cho rằng có thể xảy ra rủi ro cho nhà đầu tư khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng không trúng thầu. Nội dung này sẽ được tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật trong thời gian tới. Trách nhiệm giám sát trong cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành kinh doanh là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng (Điều 55 và 61 của dự thảo Luật) thuộc Chương V về triển khai thực hiện dự án. Khoản 4 Điều 12 quy định chung về chi phí cho tất cả các khâu, do vậy đã bao hàm nội dung Đại biểu yêu cầu.
5.	Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát của cộng đồng (Điều 85)	Đề nghị sửa đổi quy định dẫn chiếu tại điểm a khoản 1 là “khoản 3 Điều 84 của Luật này”, điểm đ khoản 2 là “quy định tại Điều 78 của Luật này”.	Tiếp thu
6.	Về Điều 97 (Giải quyết tranh chấp) và Điều 98 (Giải quyết tranh chấp trong lựa chọn nhà đầu tư tại tòa án):	Một số ý kiến cho rằng, cách tiếp cận của dự thảo Luật về hợp đồng PPP chỉ thuần túy về thương mại và chủ yếu điều chỉnh mối quan hệ giữa các bên trong hợp đồng PPP là Nhà nước và nhà đầu tư. Dự thảo Luật chưa đề cập đến tranh chấp và giải quyết tranh chấp giữa người sử dụng dịch vụ công và bên cung cấp dịch vụ công theo PPP cũng như trách nhiệm công khai, minh bạch nội dung hợp đồng của nhà đầu tư trong giai đoạn thực hiện dự án; quy định về giải quyết tranh chấp cần phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư, đề nghị bỏ Điều 97 và Điều 98 vì hiện nay cơ chế giải quyết tranh chấp về đầu tư được xem là cơ	Đối với nội dung về tranh chấp giữa người sử dụng dịch vụ công và bên cung cấp dịch vụ công, Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội để thiết kế nội dung phù hợp. Do có đặc thù là thực hiện dự án đầu tư theo hợp đồng với khu vực công nên nội dung về giải quyết tranh chấp tại Luật PPP có điểm khác biệt với Luật Đầu tư. Riêng cơ chế giải quyết tranh chấp sẽ cập nhật tối đa với quy định của Luật Đầu tư.

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chế giải quyết tranh chấp trong thương mại đã được quy định tại Luật Trọng tài thương mại và Luật Tố tụng dân sự.	
7.	Sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan (Điều 101)	Đề nghị cần nhắc tính hợp lý của việc loại bỏ gần 60 điều của Luật Đầu thầu tại dự thảo Luật này; đề nghị sửa đổi khoản 1 theo hướng không bãi bỏ các quy định đấu thầu dự án PPP trong Luật Đầu thầu mà đề nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Đầu thầu để khi thực hiện đấu thầu thì áp dụng theo Luật Đầu thầu, nhằm bảo đảm sự phù hợp và đồng bộ với dự thảo Luật PPP và các luật khác.	Nội dung này Chính phủ sẽ tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội, rà soát và thể hiện một cách khoa học hơn.
8.	Các ý kiến khác	Một số ý kiến cho rằng, dự thảo Luật mới tập trung vào thủ tục, chưa làm rõ các vấn đề quan trọng về chính sách khác biệt so với các dạng đầu tư khác và nhất là mối quan hệ bình đẳng mang tính đối tác công tư, cụ thể nghĩa vụ của Nhà nước trong hợp đồng đối tác công tư thiếu rõ ràng, trên thực tế có những rủi ro xuất phát từ việc thực hiện nghĩa vụ không nghiêm túc từ phía cơ quan nhà nước. Dự thảo Luật chưa thực sự khuyến khích đầu tư theo phương thức PPP, thủ tục phức tạp hơn so với quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	Như đã trình bày tại Tờ trình và dự thảo Luật, hiện nay lời văn của Luật đã kế thừa tối đa các thủ tục đã thực hiện ổn định, không phức tạp hoá quy trình để phù hợp với điều kiện Việt Nam và đáp ứng thông lệ quốc tế. Do được nâng lên cấp luật, các nội dung mang tính chính sách được đặc biệt chú trọng xử lý. Đó là: nội dung hợp đồng, trường hợp sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng để phản ánh mối quan hệ đối tác bình đẳng và ổn định trong thực hiện đầu tư; thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thực hiện dự án PPP (có điểm khác biệt so với doanh nghiệp thông thường thực hiện theo Luật Doanh nghiệp); trách nhiệm của Nhà nước thông qua quy định về vốn nhà nước tại mục 1 Chương VI của dự thảo Luật; ưu đãi và bảo đảm đầu tư trong phương thức PPP tại Chương VII của dự thảo Luật.
		Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại Luật những tiêu chí về mục đích đầu tư, giá dịch vụ và quyền tài sản để xác định dự án đầu tư PPP, tránh tình trạng lợi dụng các chính sách ưu đãi, như ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất, chia sẻ rủi ro trong đầu tư PPP	Về mục đích đầu tư PPP, lời văn của dự thảo tại khoản 1 Điều 4 đã khẳng định “để thực hiện dự án PPP hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công mà nhà nước có trách nhiệm cung cấp”. Đây là nguyên tắc

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		để áp dụng cho đầu tư tư nhân mang tính chất kinh doanh. Về mục đích đầu tư: dự án PPP phải là một dự án thuộc trách nhiệm bắt buộc phải đầu tư của Chính phủ để cung cấp các dịch vụ công, là những dịch vụ thiết yếu cho người dân và mục tiêu của Nhà nước là cần phải huy động nguồn tiền để Nhà nước không phải bỏ tiền ra nhưng vẫn có dịch vụ công tốt chứ không phải Nhà nước nhằm thu lợi nhuận. Về giá dịch vụ: giá dịch vụ phải do Nhà nước quản lý, không phải để cho nhà đầu tư được tự thỏa thuận với người dân như các dự án kinh doanh khác. Về quyền tài sản, nhà đầu tư có quyền thế chấp, chuyển nhượng tài sản được hình thành như một tài sản tư nhân trong thời gian hợp đồng, nhưng Nhà nước đồng thời cũng có vai trò trong việc quy định việc vận hành và sử dụng những tài sản đó phục vụ cho các lợi ích công. Do vậy, đây không hẳn là tài sản tư nhân và sau khi hoàn thành phải bàn giao cho Nhà nước.	áp dụng đối với tất cả các dự án PPP, kể cả dự án do nhà đầu tư đề xuất, không đề xảy ra tình trạng lợi dụng các cơ chế ưu đãi, bảo đảm của nhà nước cho dự án nhằm thu lợi nhuận. Việc xác định và công khai các chỉ tiêu trong phương án tài chính cũng là một trong số các nội dung đang được Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra tiếp thu, hoàn chỉnh trong lần dự thảo tiếp theo. Việc xác định mức giá, lập phương án giá, công khai thông tin về giá phải tuân thủ quy định của Luật Giá, một số dự án áp dụng phí thì phải tuân thủ Luật Phí và Lệ phí. Về quyền tài sản, theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Quản lý và Sử dụng tài sản công, tài sản trong dự án PPP được xác lập quyền sở hữu toàn dân khi được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo quy định tại hợp đồng. Như vậy, trước khi chuyển giao tài sản theo hợp đồng thì nhà đầu tư vẫn có quyền thế chấp tài sản và quyền kinh doanh công trình trong thời hạn không vượt quá khuôn khổ hợp đồng PPP (khoản 3 Điều 75 dự thảo Luật). Đồng thời, trong giai đoạn vận hành, nhà đầu tư phải đảm bảo cung cấp dịch vụ công theo đúng yêu cầu của phía Nhà nước được xác định tại hợp đồng dự án (Điều 59 dự thảo Luật), chịu sự giám sát của cơ quan ký kết hợp đồng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 61 dự thảo Luật) và sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về PPP (mục 2 Chương VIII) và của cộng đồng (mục 3 Chương VIII).
		Một số ý kiến đề nghị quy định việc Chính phủ cần có trách nhiệm trong việc đưa ra một khung giá thống nhất trong phạm vi cả nước đối với các dịch vụ mà các doanh nghiệp PPP cung	Việc triển khai đầu tư PPP phải phù hợp với khuôn khổ pháp luật nói chung của nước ta. Trong trường hợp giá dịch vụ chỉ trả cho nhà đầu tư, doanh nghiệp

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cấp để làm cơ sở cho các địa phương yên tâm thực hiện với các dự án PPP về môi trường; đề nghị phải có một quy định khung về cơ chế tài chính đối với lãi vay, trong đó cần chi tiết về lãi vay trong thời gian xây dựng, lợi nhuận và cơ chế hoàn vốn, thời gian hoàn vốn, làm cơ sở trong quá trình đàm phán hợp đồng; đề nghị sớm ban hành về định mức, đơn giá và việc công bố chỉ số giá thị trường phù hợp với điều kiện thực tế; Nhà nước phải kiểm soát được giá tối đa trả cho nhà đầu tư làm cơ sở xác định giá trần, từ đó chọn nhà thầu đạt tiêu chuẩn giá thấp nhất không vượt giá trần, đồng thời Nhà nước phải kiểm soát chất lượng công trình tương xứng với số tiền nhà đầu tư được hưởng.	dự án PPP, phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Giá. Trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án không trực tiếp thu từ người sử dụng dịch vụ thì việc chi trả từ phía nhà nước cũng phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý chi phí. Các tiêu chí cơ bản trong khung về cơ chế tài chính trong dự án PPP đã được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14, khoản 4 Điều 21 và khoản 3 Điều 42. Trong nhiều ngành khác nhau, việc hướng dẫn về khung giá (trong đó xác định mức giá tối đa) đã và đang được xây dựng theo đúng quy định của Luật Giá. Một yếu tố quan trọng để đảm bảo cơ chế thị trường giúp xác định nhà đầu tư với phương án hiệu quả nhất là đấu thầu cạnh tranh.
		Một số ý kiến cho rằng, cần rà soát quy định tại dự thảo Luật về lập, phê duyệt, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác các công trình giao thông theo hình thức PPP; cần quy định chi tiết, cụ thể về trách nhiệm bảo đảm chất lượng công trình đầu tư theo phương thức PPP sau khi hết thời gian khai thác và bàn giao cho Nhà nước, trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng của nhà đầu tư; đề nghị bổ sung chế tài xử lý đối với nhà đầu tư chậm quyết toán, chậm thực hiện trách nhiệm công khai, cập nhật lưu lượng phương tiện, doanh thu hoàn vốn, thời gian thu, giá sử dụng dịch vụ; quy định rõ về cơ chế tham vấn trước khi quyết định đầu tư và việc người sử dụng dịch vụ phản hồi việc cung cấp dịch vụ đối với các cơ quan quản lý nhà nước.	Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng được bắt đầu ngay từ khi xác định quy mô cơ bản và tổng mức đầu tư dự kiến tại chủ trương đầu tư, các số liệu này được xác định chuẩn xác hơn tại bước nghiên cứu khả thi và qua đấu thầu cạnh tranh. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng, duy tu, bảo dưỡng sau khi hết thời gian khai thác và bàn giao cho Nhà nước là một nội dung phải được quy định tại hợp đồng (Điều 62 dự thảo Luật). Đối với ý kiến bổ sung chế tài, Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra sẽ tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu. Cơ chế tham vấn tại giai đoạn phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đã được quy định tại khoản 1 Điều 21 dự thảo Luật, và việc người sử dụng dịch vụ phản hồi về chất lượng dịch vụ đã được quy định tại mục 3 Chương III dự thảo Luật. Trong quá trình hoàn thiện, dự thảo sẽ được

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN CÁC ĐBQH	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			bổ sung, sửa đổi để thể hiện mạch lạc hơn nội dung này.
		Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định rõ thời hạn thực hiện các bước trong quy trình, đặc biệt là các bước thẩm định hồ sơ; quy định rõ thời gian tối thiểu hoàn thành công việc ngay trong Luật như thời điểm quyết định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế dự toán, quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế dự toán,... nhằm bảo đảm tính công khai và khắc phục việc lợi dụng công vụ gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu để tham nhũng.	Cơ quan soạn thảo kiến nghị thời hạn các bước sẽ được quy định tại Nghị định khi xác định các bước chi tiết, phù hợp với khối lượng nội dung trình bày tại mỗi cấp văn bản quy phạm pháp luật.
		Có ý kiến đề nghị quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan liên quan phải thống nhất, tránh chồng chéo với các luật khác; đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến các vấn đề về môi trường vì vai trò của công nghệ và môi trường trong đầu tư PPP rất quan trọng.	Dự thảo Luật xử lý vấn đề này tại Chương IX, trong đó xác định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước theo chuyên ngành tại Điều 90.
		Có ý kiến cho rằng, trong quá trình thiết kế các chính sách thu hút đầu tư theo phương thức PPP cần tạo không gian để đầu tư tư nhân có điều kiện phát triển kinh tế hạ tầng cùng các cơ quan quản lý nhà nước; cần tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, chính sách ổn định, hợp lý, giảm thiểu những chi phí không chính thức; giảm gánh nặng về thuế, phí và mức giá; giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.	Do Luật được xác định là một luật cả về thủ tục và nội dung nên đã đề xuất các chính sách nhằm thực hiện được nhiệm vụ đó.
		Có ý kiến đề nghị thay cụm từ “cơ sở hạ tầng” bằng cụm từ “kết cấu hạ tầng”.	Cụm từ “cơ sở hạ tầng” được sử dụng để thống nhất với thuật ngữ đã được sử dụng tại Luật Xây dựng.

